

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

01/06/2026 – 05/06/2026

Khởi Nghiên cứu



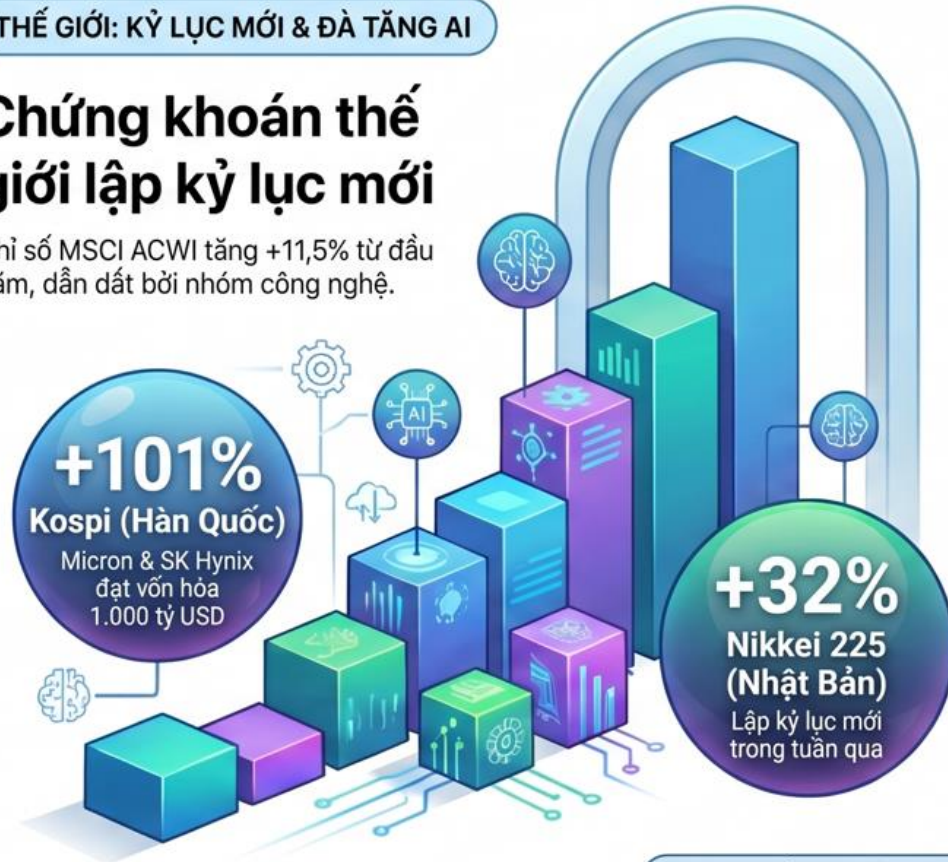
Trụ sở CTCP Chứng khoán MB
Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 24 7304 5688 | Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Thị Trường Chứng Khoán Tuần 01/06/2026: “Bữa Tiệc” Toàn Cầu và Áp Lực Trong Nước

THẾ GIỚI: KỶ LỤC MỚI & ĐÀ TĂNG AI

Chứng khoán thế giới lập kỷ lục mới

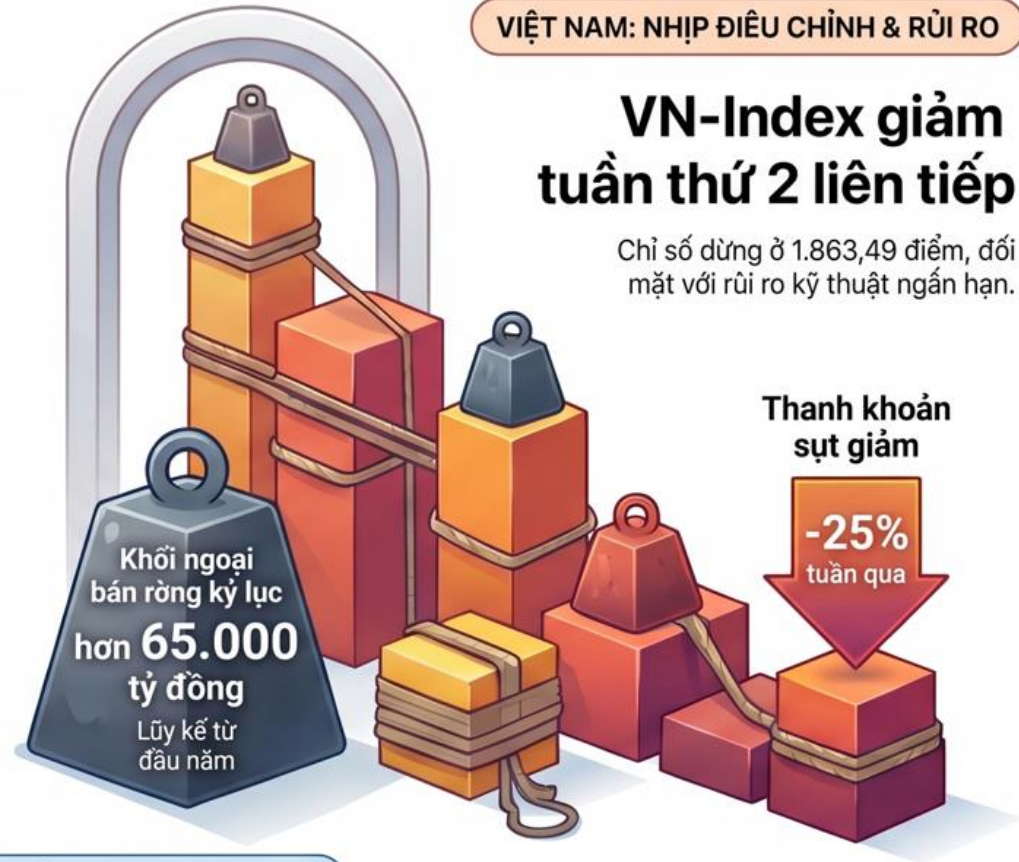
Chỉ số MSCI ACWI tăng +11,5% từ đầu năm, dẫn dắt bởi nhóm công nghệ.



VIỆT NAM: NHỊP ĐIỀU CHỈNH & RỦI RO

VN-Index giảm tuần thứ 2 liên tiếp

Chỉ số dừng ở 1.863,49 điểm, đối mặt với rủi ro kỹ thuật ngắn hạn.



TÂM ĐIỂM THÁNG 6 & CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH



Áp lực từ các Ngân hàng Trung ương

Xu hướng thắt chặt tiền tệ lan rộng tại Châu Á gây áp lực lên chi phí vốn.



Tác động kép từ World Cup

Thanh khoản thường giảm -12%, nhưng nhóm Bán lẻ và F&B có thể hưởng lợi.



Chiến lược “Tài trợ rủi ro”

Chốt lời từng phần, đưa danh mục về trạng thái an toàn và giữ tiền mặt.

Rủ ro kỹ thuật ngắn hạn gia tăng, kiên nhẫn chờ tín hiệu xác nhận

- **Chứng khoán toàn cầu** tiếp tục lập kỷ lục mới, chỉ số chứng khoán MSCI ACWI đo lường hiệu suất của các thị trường phát triển và mới nổi tăng +1,6% trong tuần vừa qua, +11,5% kể từ đầu năm (YTD) và cao hơn thời điểm xung đột Trung Đông +7%.
- **Ở thị trường Mỹ**, cả ba chỉ số chính cùng đóng cửa ở mức cao kỷ lục nhờ đà tăng mạnh của cổ phiếu công nghệ và giá dầu giảm dù triển vọng kết thúc cuộc chiến tranh ở Vùng Vịnh vẫn còn khó đoán định. Cả tuần, Nasdaq dẫn đầu với mức tăng hơn 2%, S&P 500 tăng hơn 1%, và Dow Jones tăng gần 1%. Khép lại tháng 5, Nasdaq vượt trội trong ba chỉ số chính của chứng khoán Mỹ, đạt mức tăng hơn 8%. S&P 500 tăng 5%, còn Dow Jones tăng khoảng 3%. Sự lạc quan về AI và đà tăng trưởng lợi nhuận đã củng cố đợt tăng giá gần đây của giá cổ phiếu ở Phố Wall, bất chấp căng thẳng kéo dài Trung Đông - yếu tố làm gia tăng kỳ vọng lạm phát và đặt ra rủi ro lãi suất cao hơn lâu hơn. Tuần vừa qua, Bộ Thương mại Mỹ công bố báo cáo chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) - thước đo lạm phát được Cục Dự trữ Liên bang Mỹ chú trọng nhất, theo đó: PCE toàn phần tháng 4 tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước. PCE lõi - chỉ số không bao gồm giá năng lượng và thực phẩm - tăng 0,2% theo tháng và tăng 3,3% theo năm. Mức tăng theo năm của cả PCE toàn phần và PCE lõi đều bằng dự báo, nhưng mức tăng theo tháng của cả hai chỉ số đều thấp hơn 0,1 điểm phần trăm so với dự báo, làm dấy lên hy vọng rằng đợt tăng bùng của giá cả trong tháng 3 đã bắt đầu dịu đi. Sau báo cáo trên, kỳ vọng về việc Fed tăng lãi suất trong năm nay đã giảm bớt. *Một số chuyên gia cho rằng Fed sẽ giữ nguyên lãi suất thay vì tăng lãi suất như lo ngại gần đây của thị trường*
- **Ở Châu Á**, các thị trường lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan tiếp tục bật tăng mạnh mẽ để lập các kỷ lục mới, Nikkei 225 và KOSPI tuần vừa qua tăng lần lượt +4,7% và +8%, trong khi thị trường Đài Loan cũng tăng +3,2%. Kể từ đầu năm, KOSPI của Hàn Quốc đã tăng +101%, Nikkei 225 tăng gần +32% và thị trường Đài Loan tăng +50,7%. Theo Bloomberg, làn sóng đầu tư vào AI đã đưa hãng chip Micron của Mỹ và SK Hynix của Hàn Quốc vào nhóm doanh nghiệp có vốn hóa trên 1 nghìn tỷ USD. Ngược dòng thị trường thế giới là thị trường Trung

Quốc, Hồng Kông và các thị trường ở khu vực Đông Nam Á (ngoại trừ Thái Lan).

Trên thị trường hàng hóa: Giá vàng thế giới tiếp tục hồi phục trong phiên ngày thứ Sáu (29/5), tăng cao trên mốc 4.500 USD/oz. Chốt tuần, giá vàng giao ngay tăng +0,8% nhưng vẫn giảm -1,1% trong tháng 5. Chỉ số Dollar Index giảm -0,3% trong tuần vừa qua nhưng đã tăng +0,9% trong tháng 5 và tăng +0,8% kể từ đầu năm. Giá dầu Brent giảm -9,1%, dầu WTI giảm -9,6%. Cả tháng 5, giá dầu Brent - giá tiêu chuẩn của thị trường dầu thô toàn cầu - giảm 16%, đánh dấu tháng giảm mạnh nhất từ tháng 4/2025. Cuộc khảo sát có sự tham gia của 33 nhà kinh tế và nhà phân tích dự báo giá dầu Brent sẽ bình quân ở mức 90,44 USD/thùng trong năm nay, từ mức dự báo 86,38 USD/thùng đưa ra trong cuộc khảo sát tháng trước. Giá dầu WTI được dự báo đạt bình quân 84,63 USD/thùng trong năm nay, từ mức 80,07 USD/thùng đưa ra trong khảo sát tháng 4.

Đối với thị trường trong nước: Trái ngược với “bữa tiệc” toàn cầu, chỉ số Vn-Index khép lại tháng 5 bằng tuần giảm thứ 2 liên tiếp. Chốt tuần, Vn-Index dừng ở 1.863,49 điểm, giảm -13,64 điểm (-0,73%) dưới áp lực điều chỉnh từ các cổ phiếu trụ như: VIC (-8,5 điểm), VCB (-2,7 điểm). Cả tuần, chỉ số VN30 giảm -0,7%, đánh dấu tuần giảm thứ 3 liên tiếp, Midcap cũng lùi tới -1,5%, trong khi Smallcap giảm (-0,8%) sang tuần thứ 7 liên tiếp.

Độ rộng thị trường cho thấy thị trường điều chỉnh giảm trên diện rộng (cứ 1 cổ phiếu tăng lại có 5 cổ phiếu giảm), bình quân 4 tuần ở tháng 5 vừa qua, chỉ có khoảng 36,5% số nhóm cổ phiếu tăng giá. Dầu khí, Thực phẩm là 2 nhóm cổ phiếu đi ngược thị trường trong tuần vừa qua, trong khi các nhóm giảm mạnh gồm: Bảo hiểm, Công nghệ, v.v...

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 22.100 tỷ đồng, giảm -25% so với tuần trước, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt mạnh -33%, còn 16.990 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản toàn thị trường tháng 5 đạt 26.400 tỷ đồng, tương đương với tháng 4/2026 và tăng +9,8% so với tháng 5/2025. Kể từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 31.400 tỷ đồng, tăng +8,7% so với mức bình quân năm 2025.

Rủi ro kỹ thuật ngắn hạn gia tăng, kiên nhẫn chờ tín hiệu xác nhận

- **Khối ngoại** bán ròng -5.031 tỷ đồng trong tuần vừa qua, đây cũng là tuần bán ròng thứ 11 liên tiếp, theo thống kê tháng 5 khối ngoại đang bán ròng -19.600 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -65.067 tỷ đồng (~2,5 tỷ USD). Năm 2025, khối ngoại bán ròng kỷ lục với tổng giá trị -135.329 tỷ đồng (~5,2 tỷ USD), đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp của khối ngoại trong chuỗi bán ròng 5/6 năm vừa qua. Trong tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với: VCB (+164 tỷ đồng), LPB (+113 tỷ đồng), MSN (+111 tỷ đồng),... trong khi bán ròng đối với: MSB (-1.756 tỷ đồng), HPG (-549 tỷ đồng), VHM (-423 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán mua ròng trong tuần vừa qua đối với các cổ phiếu như: VHM (+151 tỷ đồng), FPT (+117 tỷ đồng), CTG (+82 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: GEE (-542 tỷ đồng), VIB (-264 tỷ đồng), ACB (-65 tỷ đồng).
- **Nhận định thị trường:** Tháng 6 sẽ khá "bận rộn" đối với thị trường chứng khoán thế giới khi hàng loạt NHTW họp chính sách tiền tệ. Thị trường sẽ phải đối mặt với một đợt "stress test" khi các Ngân hàng Trung ương (NHTW) lớn như BOJ và ECB rục rịch tăng lãi suất. Đáng chú ý, xu hướng thắt chặt đang lan rộng khắp Châu Á (Úc, Singapore, Philippines và Indonesia là quốc gia thứ 4 thắt chặt chính sách), tạo áp lực lớn lên chi phí vốn toàn khu vực.
- Nhịp điều chỉnh 2 tuần vừa qua của chỉ số Vn-Index diễn ra ở vùng trung thông tin, tuy vậy bối cảnh trong nước có thể thay đổi vào cuối tuần tới khi loạt thông tin vĩ mô tháng 5 được công bố, bên cạnh tác động từ các sự kiện bên ngoài như cuộc họp của các NHTW hay mùa WorldCup chuẩn bị khởi tranh.
- Ở các kỳ WorldCup gần đây (2022, 2018) thường mang lại hai tác động trái chiều: làm suy giảm thanh khoản cục bộ do sự phân tán chú ý của nhà đầu tư cá nhân, nhưng đồng thời tạo ra cú hích doanh thu đột biến cho một số nhóm ngành bán lẻ và tiêu dùng thiết yếu. Cụ thể, dữ liệu tổng hợp từ các chu kỳ 2014, 2018 và 2022 cho thấy một mẫu hình lặp lại: thanh khoản có xu hướng sụt giảm (-12% trong sự kiện). Trong khi thị trường chung có thể ảm đạm, dòng tiền thông minh













thường tìm đến các nhóm ngành hưởng lợi trực tiếp từ hành vi tiêu dùng mùa bóng đá: doanh số TV& Điện máy tăng +18% (trước sự kiện), tăng trưởng ngành F&B (+8-10%, trong sự kiện).

Chúng tôi cho rằng thị trường vẫn gặp khó khăn ở tuần đầu tháng 6, các yếu tố đang chi phối nhịp điều chỉnh vẫn chưa thay đổi như trong báo cáo tuần trước chúng tôi đã đề cập, bao gồm: 1) Sự suy yếu từ nhóm cổ phiếu trụ, 2) Áp lực bán ròng từ khối ngoại, 3) Xu hướng tăng lãi suất từ các NHTW Châu Á và 4) dòng tiền thận trọng ở vùng trung thông tin hỗ trợ. Theo thống kê từ các mùa có sự kiện WorldCup gần đây, thanh khoản giảm dần và tạo đáy ở tuần thứ 2 sau khi khai mạc. Trong bối cảnh các tín hiệu kỹ thuật đang bất lợi cho Vn-Index, thị trường cần thời gian để tạo vùng cân bằng mới, qua đó thu hút dòng tiền quay trở lại.

Về kỹ thuật: Chỉ số Vn-Index vẫn đang nằm trên các đường trung bình trung và dài hạn (MA50, MA100, MA200), tuy vậy xu hướng ngắn hạn đang gặp bất lợi từ các mẫu hình cũng như tín hiệu kỹ thuật sau 2 tuần điều chỉnh liên tiếp từ vùng đỉnh. Áp lực điều chỉnh cả về chỉ số và thanh khoản, trong đó đáng chú ý là mức sụt giảm thanh khoản đã về mức thấp nhất trong vòng 1 năm. Với việc Vn-Index đang ở vùng đỉnh và việc thanh khoản sụt nhanh, kịch bản thị trường **mở biên độ** dao động xuống phía dưới để tìm kiếm lực cầu có khả năng xảy ra ở tuần tới. Vùng hỗ trợ cho Vn-Index trong kịch bản thị trường điều chỉnh ở khu vực 1.800 điểm.

- **Chiến lược giao dịch:** Thận trọng và kiên nhẫn" là từ khóa chủ chốt cho tháng 6. Chủ động chốt lời từng phần (tài trợ rủi ro) để đưa danh mục về trạng thái an toàn. Duy trì tỷ trọng tiền mặt cao để sẵn sàng giải ngân khi thị trường chiết khấu về vùng giá hấp dẫn.

Lịch sự kiện tháng 6

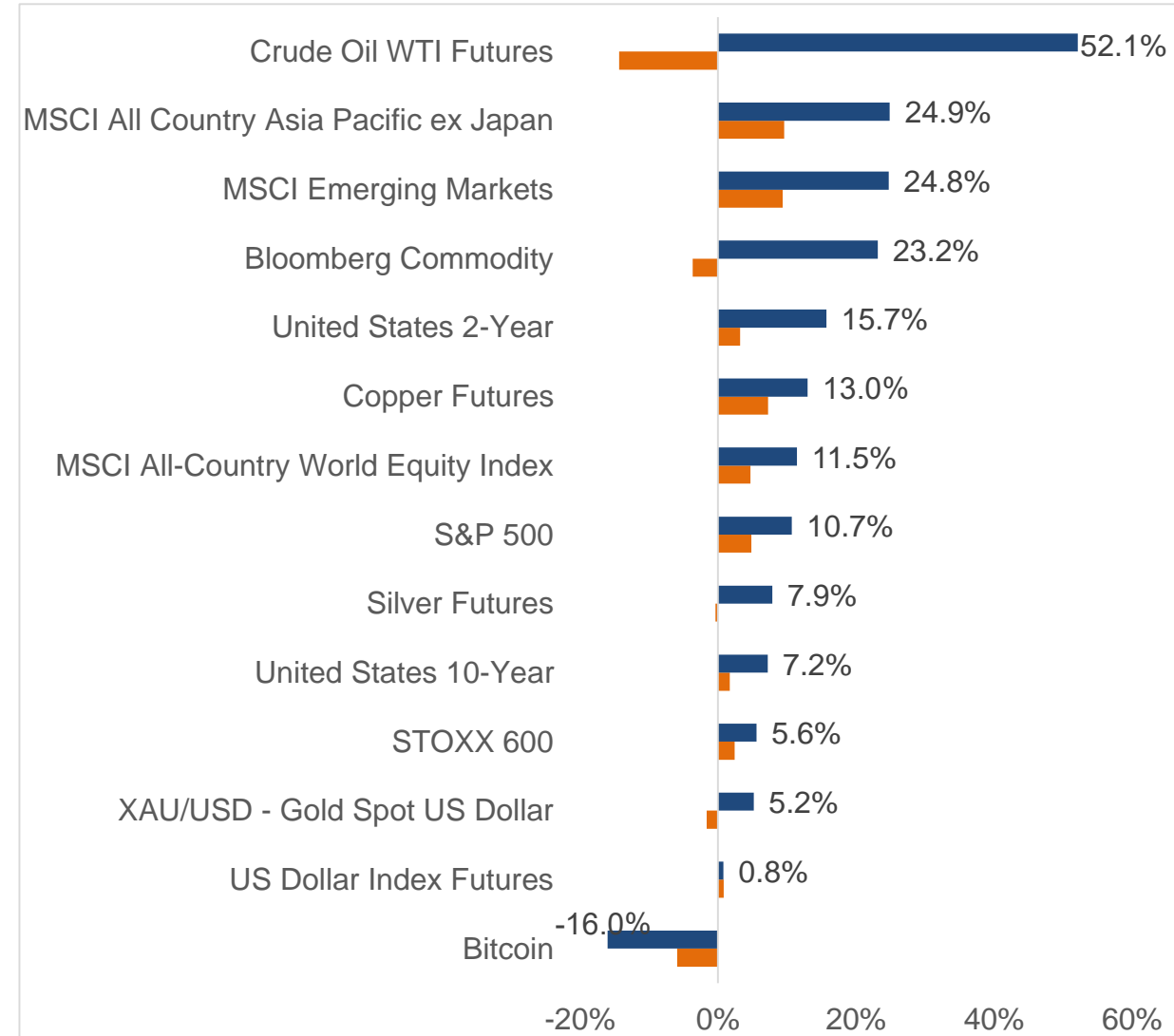
MON		TUE		WED		THU		FRI		SAT		SUN	
1	 Chỉ số PMI sản xuất của ISM (T5)	2	 Cơ hội việc làm của JOLTS (T4)	3	 Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội (T5)	4	 • Tỷ lệ thất nghiệp (T5) • Bảng lương phi nông nghiệp (T5)	5		6		7	
8	 Tăng trưởng GDP (Q1)	9		10	 Chỉ số giá tiêu dùng CPI (T5)	11	 Chỉ số giá sản xuất PPI (T5)	12		13		14	
15		16		17	 Doanh số bán lẻ (T5)	18	  • Quyết định lãi suất của Fed • Đáo hạn phái sinh	19		20		21	
22		23	 Chỉ số niềm tin người tiêu dùng	24		25		26	 Chỉ số tâm lý tiêu dùng của đại học Michigan (T6)	27		28	
29		30											

Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	Từ thời điểm xung đột Mỹ - Iran
Global	1,130.75	1.6%	4.7%	11.5%	7.0%
Dow Jones	51,032.46	0.9%	3.1%	6.2%	4.2%
S&P 500	7,580.06	1.4%	4.8%	10.7%	10.2%
Europe	626.00	0.1%	2.4%	5.6%	-1.2%
Japanese	66,329.50	4.7%	11.5%	31.8%	12.7%
Korea	8,476.15	8.0%	28.5%	101.1%	35.7%
China	4,068.57	-1.1%	-1.1%	2.5%	-2.3%
HongKong	25,182.39	-1.7%	-2.3%	-1.8%	-5.4%
Taiwan	43,636.44	3.2%	12.1%	50.7%	23.2%
Indian	23,547.75	-0.7%	-1.9%	-9.9%	-6.5%
Singapore	5,037.86	-0.6%	2.6%	8.4%	0.9%
Malaysia	1,683.07	-1.7%	-2.3%	0.2%	-2.0%
Indonesia	6,127.38	-0.6%	-11.9%	-29.1%	-25.6%
Thailand	1,568.37	1.9%	5.0%	24.5%	2.6%
Philippine	5,768.76	-3.2%	-1.1%	-4.7%	-12.7%
Vn-Index	1,863.49	-0.7%	0.5%	4.4%	-0.9%
VN30	1,997.06	-0.7%	-1.3%	-1.7%	-3.1%
VN100	1,925.55	-0.6%	-0.6%	0.4%	-1.2%
Vn Midcap	2,149.68	-1.5%	-2.0%	-3.1%	-6.5%
VN Smallcap	1,360.55	-0.8%	-3.3%	-7.8%	-10.3%
HNX-INDEX	294.94	10.3%	17.7%	18.6%	12.2%
Upcom-Index	125.21	-0.4%	-1.8%	3.5%	-3.2%

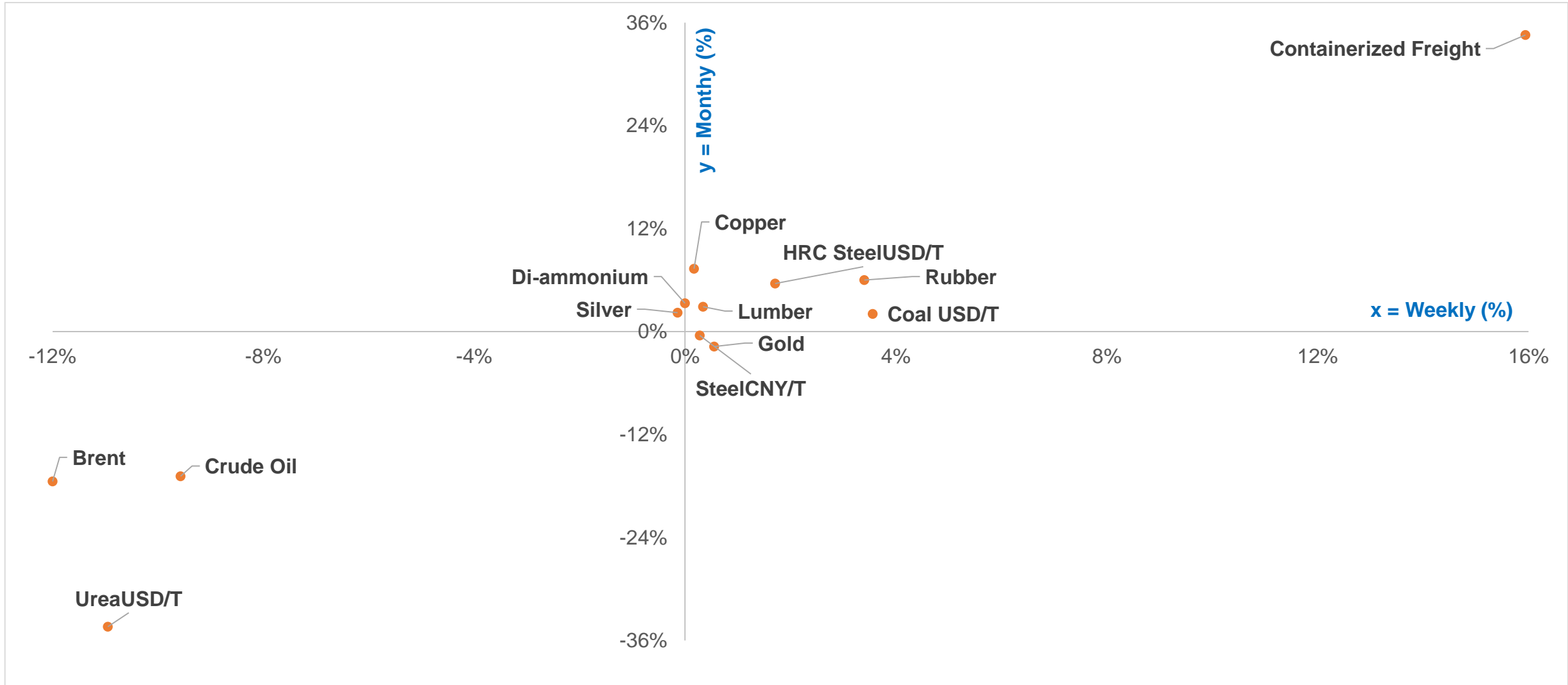
Nguồn: Update 30/05/2026, Investing, MBS Research

Hiệu suất của các nhóm tài sản



Nguồn: Update 30/05/2026, Investing, MBS Research

Hiệu suất của các hàng hóa (theo tuần và theo tháng)



Nguồn: Update 30/04/2026, Investing, MBS Research

Toàn Cảnh Kinh Tế Việt Nam Quý 1/2026: Tăng Trưởng Ấn Tượng Giữa "Sức Nóng" Lạm Phát

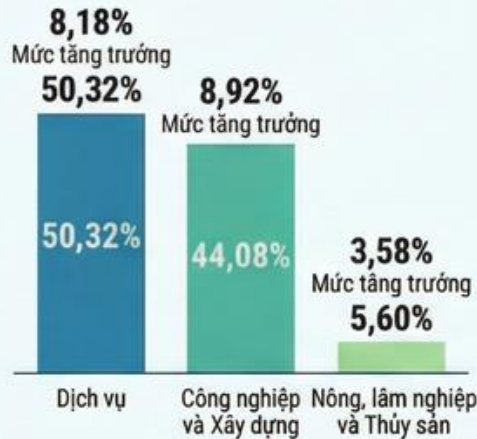
Cung cấp cái nhìn tổng quan về các chỉ số kinh tế vĩ mô then chốt của Việt Nam trong Quý 1/2026, bao gồm tăng trưởng GDP, thu hút vốn FDI, chỉ số lạm phát (CPI) và tình hình xuất nhập khẩu.

Động Lực Tăng Trưởng & Đầu Tư



GDP Quý 1/2026 tăng trưởng 7,83%

Cao hơn mức 7,07% cùng kỳ năm trước với dịch vụ đóng góp hơn 50%.



FDI đăng ký đạt 15,2 tỷ USD

Tăng mạnh 42,9% so với cùng kỳ, dẫn đầu là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.



Singapore là nhà đầu tư lớn nhất

Quốc đảo này đầu tư 5,32 tỷ USD, chiếm 52% tổng vốn đăng ký mới.

Thách Thức Vĩ Mô & Giao Thương



CPI tháng 3 lập đỉnh 5 năm

Chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,65% so với cùng kỳ do áp lực từ năng lượng.



Nhóm Giao thông tăng đột biến 12,85%

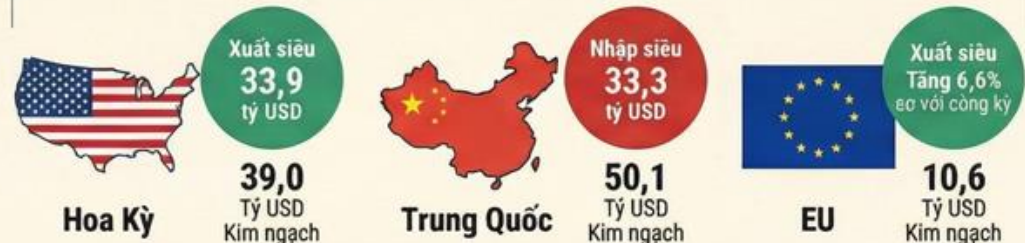
Xung đột Trung Đông đẩy giá xăng dầu và vé máy bay tăng cao.



Nhập siêu 3,64 tỷ USD

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 249,5 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ.

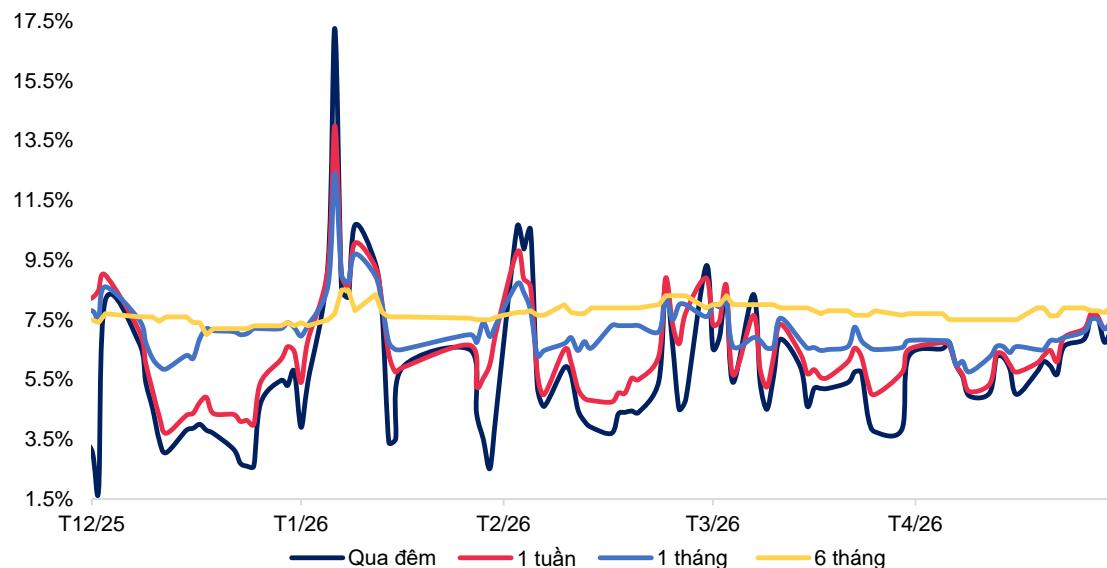
Thị trường xuất nhập khẩu chủ lực



Lãi suất

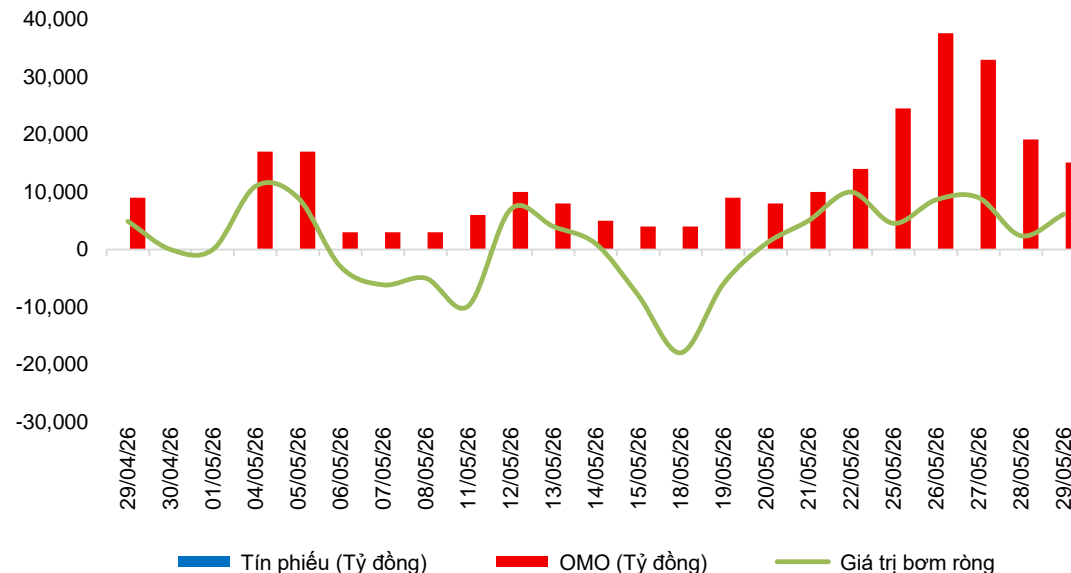
- Trong tuần 25/5 – 29/5, NHNN tăng mạnh quy mô bơm ròng với 30.7 nghìn tỷ đồng. Cụ thể, có 129.5 nghìn tỷ đồng trúng thầu trên kênh OMO với kỳ hạn từ 7 – 56 ngày và lãi suất 4.5%. Cùng với đó, khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt gần 98.8 nghìn tỷ đồng. Tính chung cả tháng 5, NHNN đã bơm ròng 22.7 nghìn tỷ đồng (+16.2% so với lượng bơm ròng của tháng 4).
- Tuần qua, mặt bằng lãi suất liên hàng nhìn chung vẫn neo ở mức cao, đặc biệt tại các kỳ hạn ngắn. Cụ thể, lãi suất LNH qua đêm tăng 0.6 điểm phần trăm, lên mức 7.2%. Các kỳ hạn từ 1 tuần - 1 tháng tăng từ 0.47 – 0.53 điểm phần trăm, hiện dao động trong khoảng 7.36% - 7.43%. Kỳ hạn 6 tháng nhích nhẹ 0.02 điểm phần trăm, lên mức 7.9%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

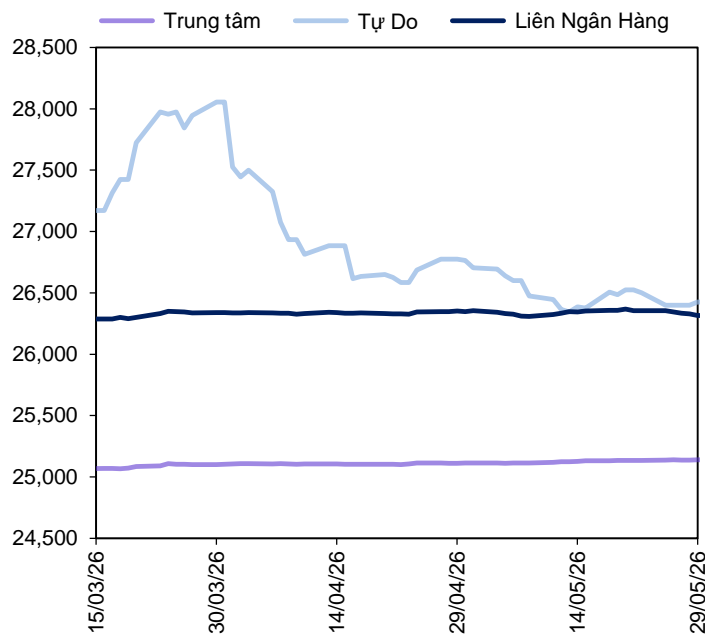


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

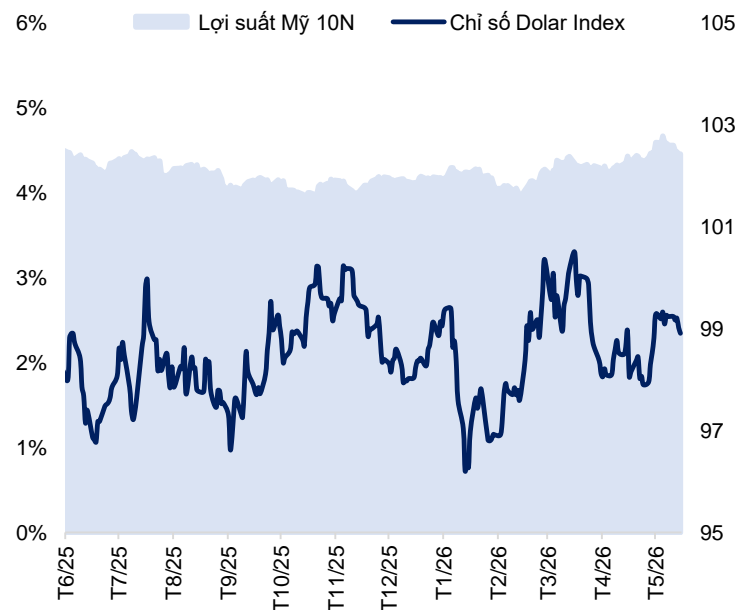
Chỉ số DXY kết phiên thứ Sáu tại 98.91, gần vùng đáy hai tuần nhưng vẫn tăng khoảng 1% so với cuối tháng 4. Đồng USD chịu tác động từ các diễn biến tại Trung Đông khi Mỹ và Iran được cho là đã đạt đồng thuận sơ bộ về việc gia hạn ngừng bắn thêm 60 ngày và nổi lại đàm phán về chương trình hạt nhân của Iran. Giá dầu giảm đã góp phần làm dịu áp lực lạm phát. Dữ liệu công bố hôm thứ Năm cho thấy cả lạm phát PCE toàn phần và PCE lõi theo tháng đều thấp hơn kỳ vọng của thị trường. Tuy nhiên, lạm phát theo năm vẫn cao hơn đáng kể so với mục tiêu của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), lần lượt ở mức 3.8% và 3.3%. Trong nước, tỷ giá liên ngân hàng giảm 0.16% so với tuần trước, về mức 26,315 VND/USD (+0.17% so với đầu năm). Tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng 5 đồng, lên mức 25,139 VND/USD (+0.06% so với đầu năm). Tỷ giá trên thị trường tự do không biến động nhiều trong tuần, hiện ở mức 26,425 VND/USD (-1.86% so với đầu năm).

Tỷ giá USD/VND



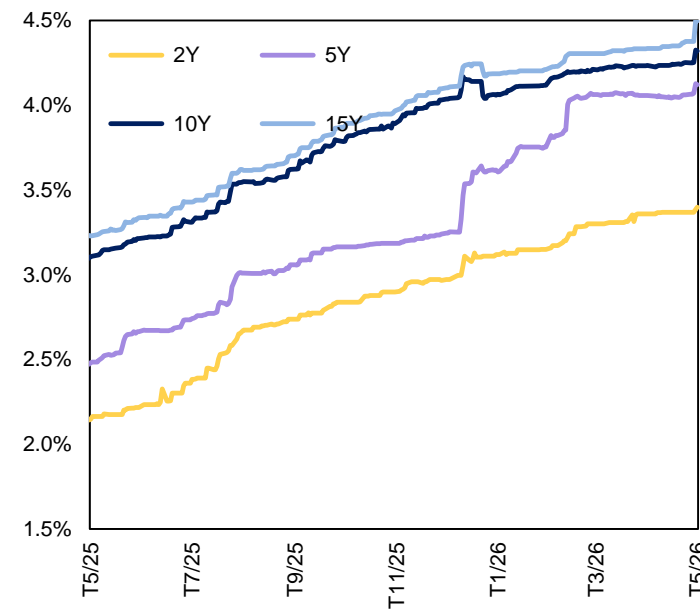
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP

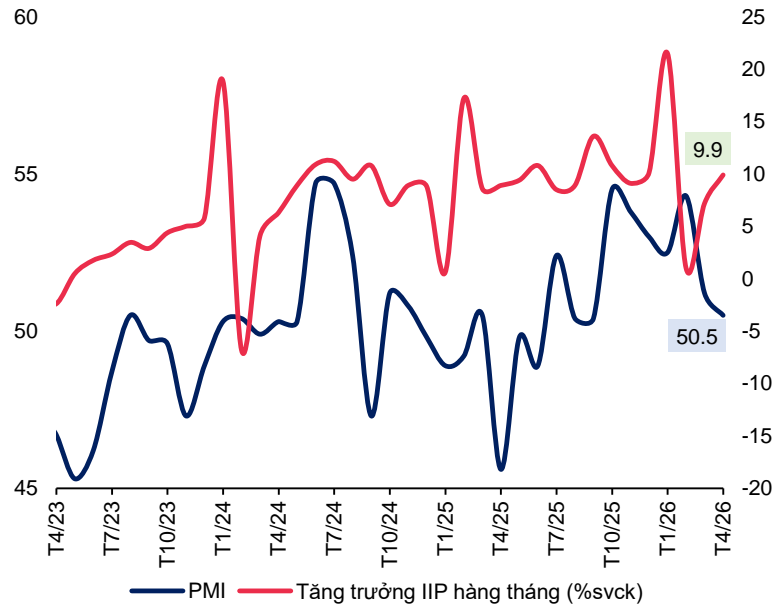


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

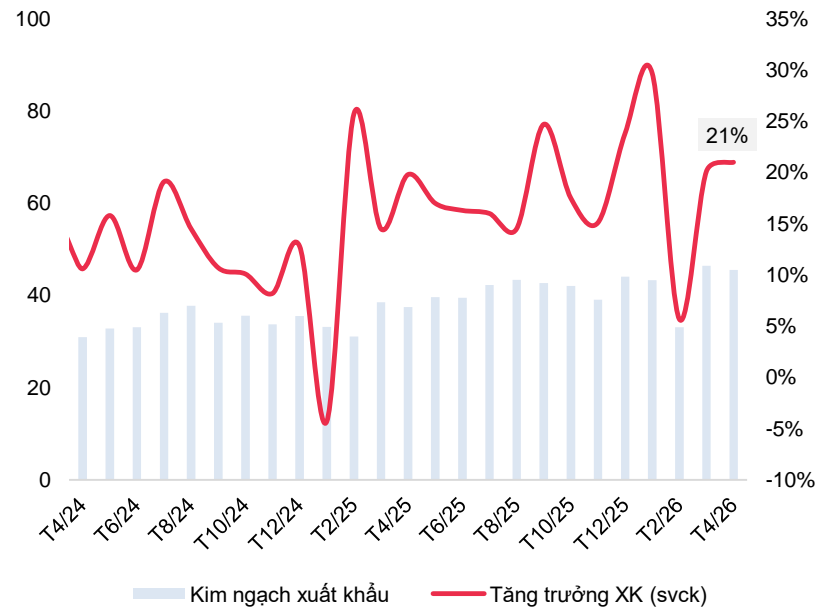
- Trong T4/26, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 45.52 tỷ USD (+21% svck), trong khi kim ngạch nhập khẩu ước đạt 48,8 tỷ USD (+32.5% svck). Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu tháng thứ năm liên tiếp, trị giá 3.28 tỷ USD. Lũy kế 4T26, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 7.11 tỷ USD (cùng kỳ năm ngoái xuất siêu 4.3 tỷ USD). Chỉ số IIP T4/26 ước tính tăng 3% so với tháng trước và tăng 9.9% svck. Lũy kế từ đầu năm, chỉ số IIP tăng 9.2% svck). Chỉ số PMI giảm xuống mức thấp nhất trong 7 tháng tại 50.5 điểm trong tháng 4. Số lượng đơn đặt hàng mới giảm lần đầu tiên trong 8 tháng khi áp lực lạm phát đạt mức cao nhất trong 15 năm trở lại đây. Trong đó, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm đáng kể tháng thứ hai liên tiếp.
- Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 12.1% svck trong T4, và lũy kế 4T26 tăng 11.1% svck (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6.3% svck).

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



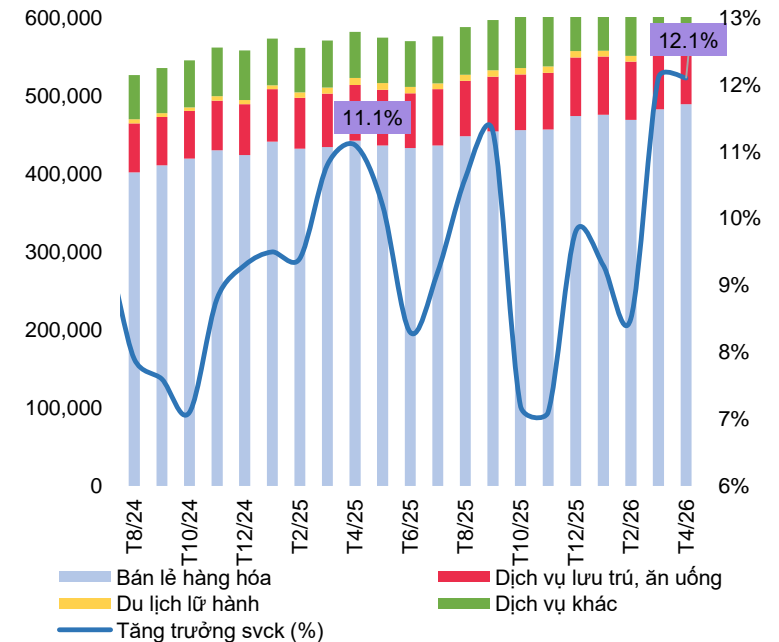
Nguồn: Cục thống kê, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa qua các tháng (Tỷ USD)



Nguồn: Cục thống kê, MBS Research

Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Tỷ USD)

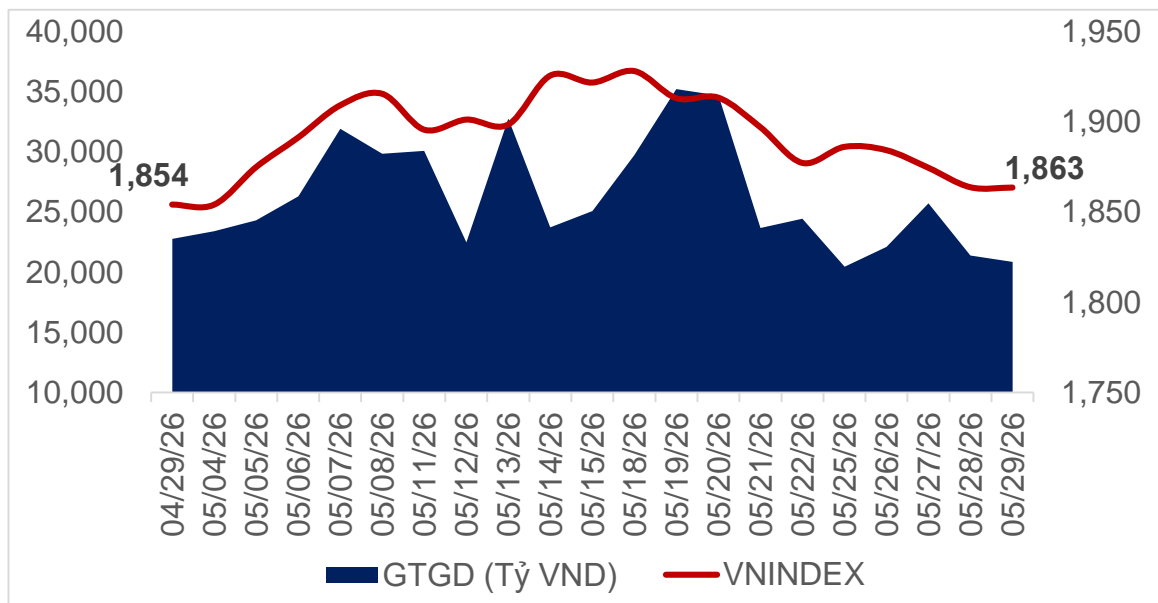


Nguồn: Cục thống kê, MBS Research

Trái ngược với “bữa tiệc” toàn cầu, chỉ số Vn-Index khép lại tháng 5 bằng tuần giảm thứ 2 liên tiếp

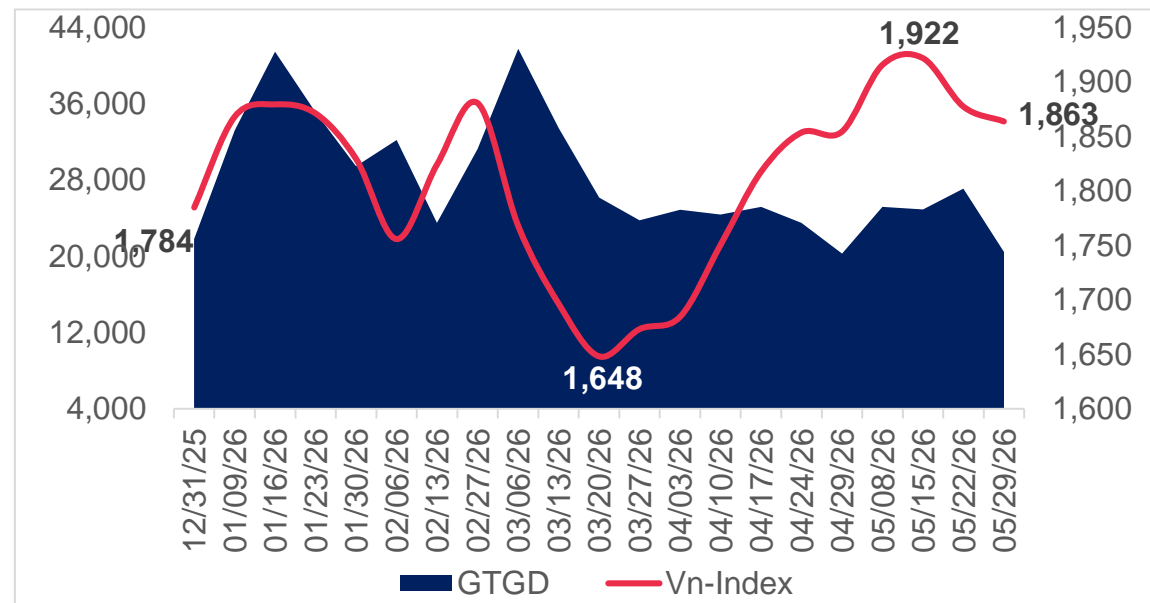
- Trái ngược với “bữa tiệc” toàn cầu, chỉ số Vn-Index khép lại tháng 5 bằng tuần giảm thứ 2 liên tiếp. Chốt tuần, Vn-Index dừng ở 1.863,49 điểm, giảm -13,64 điểm (-0,73%) dưới áp lực điều chỉnh từ các cổ phiếu trụ như: VIC (-8,5 điểm), VCB (-2,7 điểm). Cả tuần, chỉ số VN30 giảm -0,7%, đánh dấu tuần giảm thứ 3 liên tiếp, Midcap cũng lùi tới -1,5%, trong khi Smallcap giảm (-0,8%) sang tuần thứ 7 liên tiếp.
- Độ rộng thị trường cho thấy thị trường điều chỉnh giảm trên diện rộng (cứ 1 cổ phiếu tăng lại có 5 cổ phiếu giảm), bình quân 4 tuần ở tháng 5 vừa qua, chỉ có khoảng 36,5% số nhóm cổ phiếu tăng giá. Dầu khí, Thực phẩm là 2 nhóm cổ phiếu đi ngược thị trường trong tuần vừa qua, trong khi các nhóm giảm mạnh gồm: Bảo hiểm, Công nghệ, v.v...
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 22.100 tỷ đồng, giảm -25% so với tuần trước, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt mạnh -33%, còn 16.990 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản toàn thị trường tháng 5 đạt 26.400 tỷ đồng, tương đương với tháng 4/2026 và tăng +9,8% so với tháng 5/2025. Kể từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 31.400 tỷ đồng, tăng +8,7% so với mức bình quân năm 2025.

Diễn biến chỉ số Vn-Index và thanh khoản (1 tháng, Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

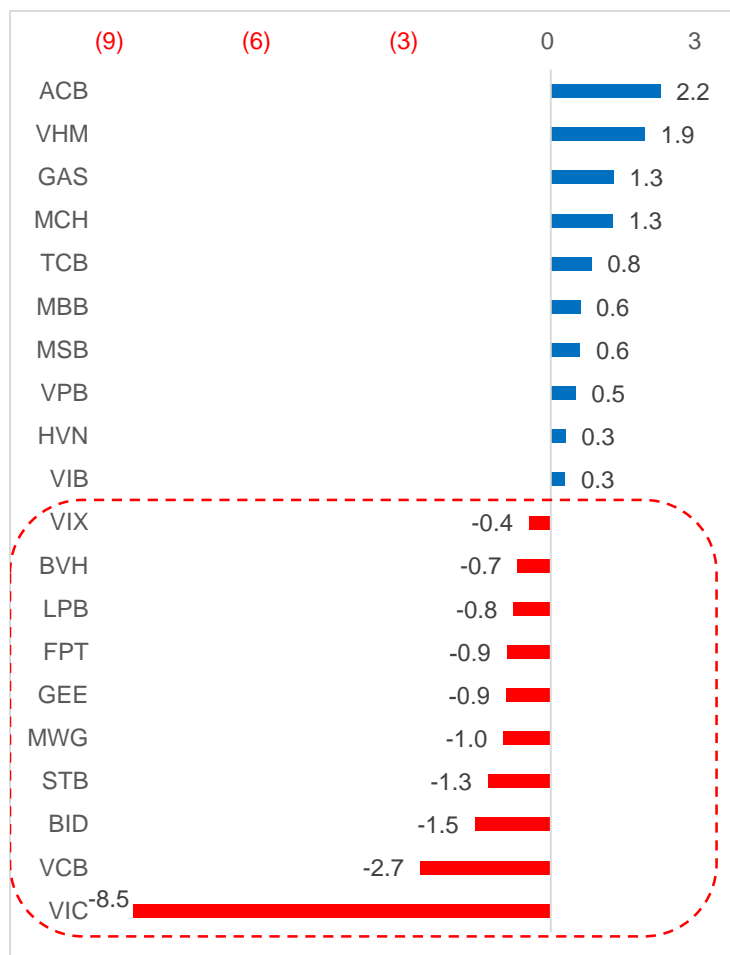
Diễn biến chỉ số Vn-index và thanh khoản (Theo tuần, Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

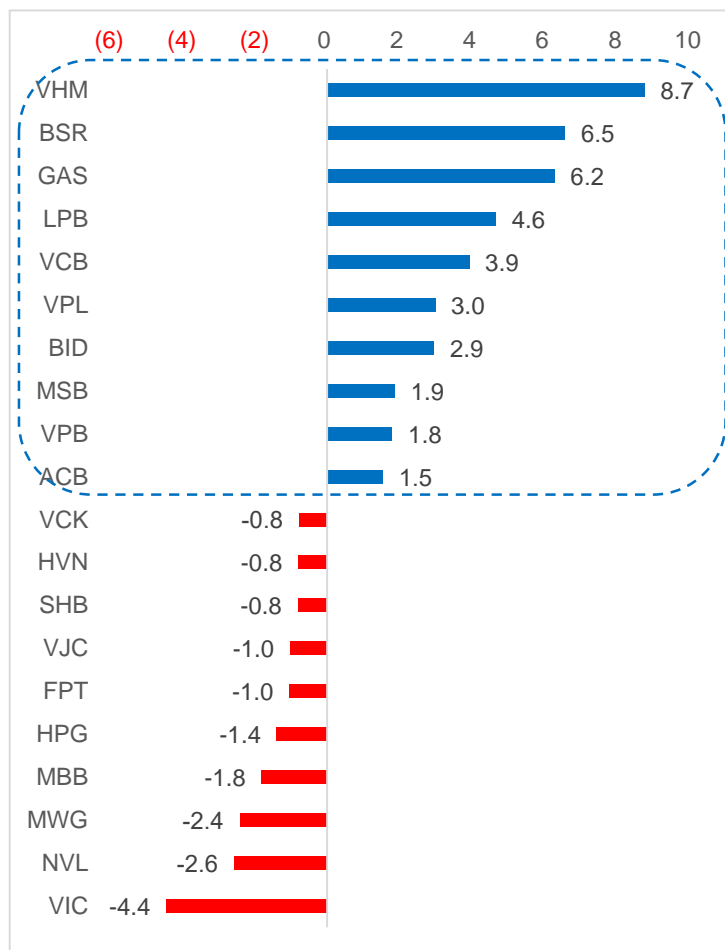
Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index

Top cổ phiếu gây áp lực giảm -13.6 điểm của Vn-Index trong tuần vừa qua



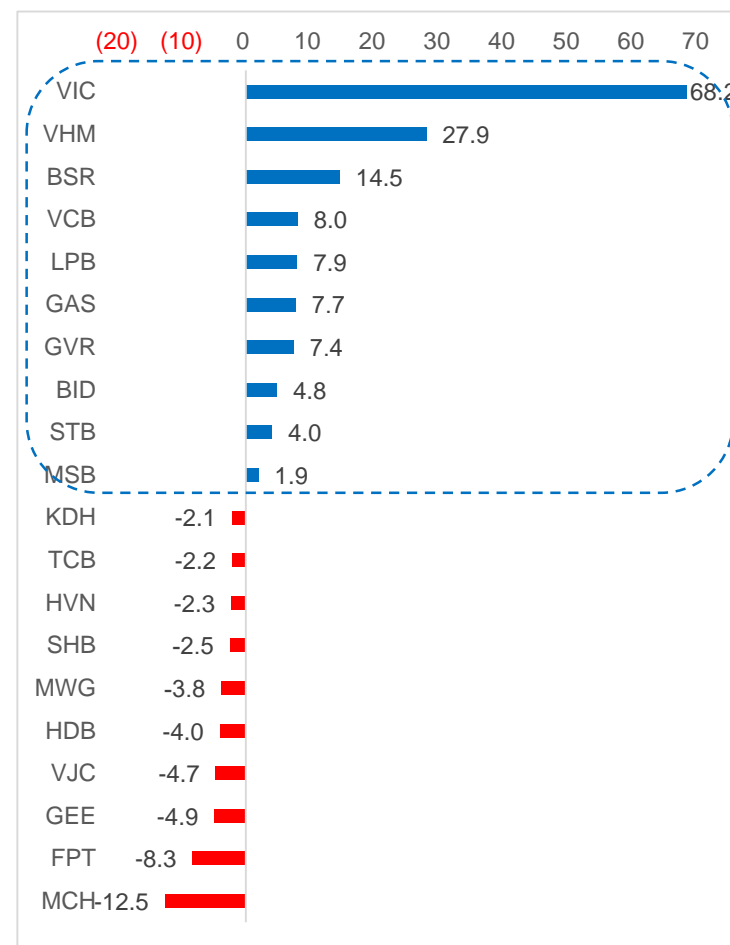
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +9,4 điểm của Vn-Index trong vòng 1 tháng vừa qua



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +79 điểm của Vn-Index kể từ đầu năm

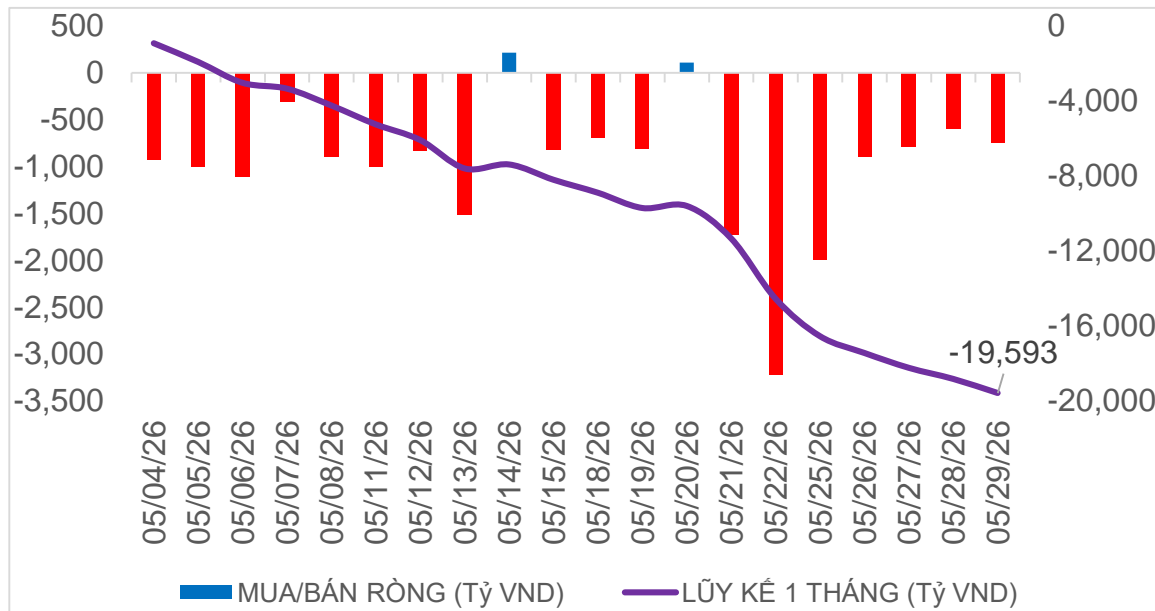


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Khối ngoại bán ròng -5.031 tỷ đồng trong tuần vừa qua, đây cũng là tuần bán ròng thứ 11 liên tiếp

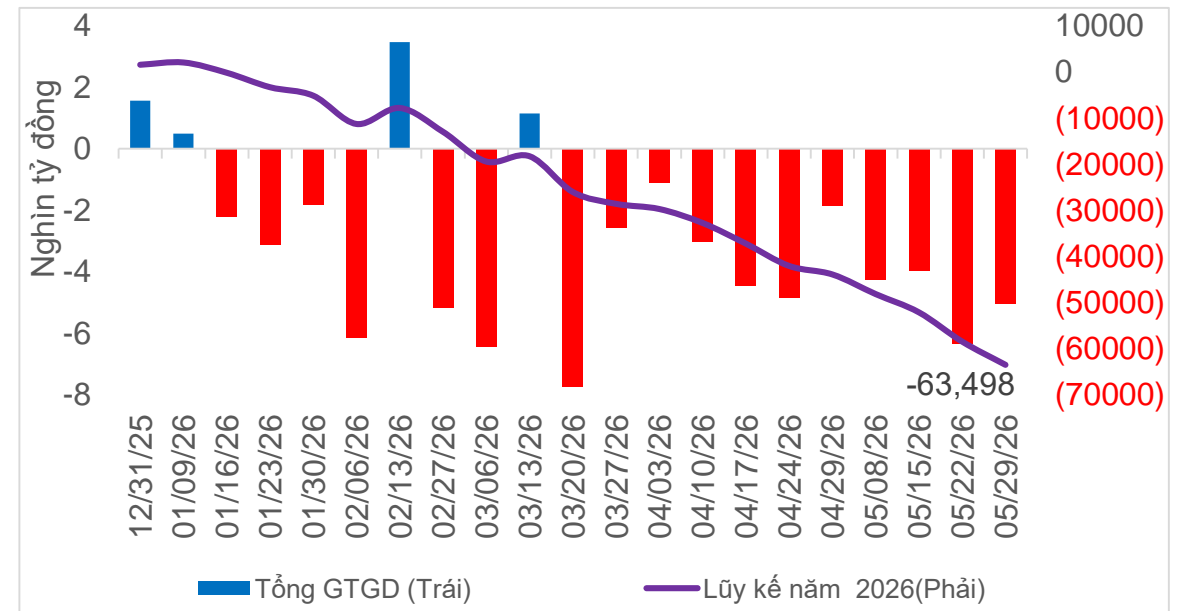
Khối ngoại bán ròng -5.031 tỷ đồng trong tuần vừa qua, đây cũng là tuần bán ròng thứ 11 liên tiếp, theo thống kê tháng 5 khối ngoại đang bán ròng -19.600 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -65.067 tỷ đồng (~2,5 tỷ USD). Năm 2025, khối ngoại bán ròng kỷ lục với tổng giá trị -135.329 tỷ đồng (~5,2 tỷ USD), đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp của khối ngoại trong chuỗi bán ròng 5/6 năm vừa qua. Trong tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với: VCB (+164 tỷ đồng), LPB (+113 tỷ đồng), MSN (+111 tỷ đồng),... trong khi bán ròng đối với: MSB (-1.756 tỷ đồng), HPG (-549 tỷ đồng), VHM (-423 tỷ đồng), ... Tụ doanh các công ty chứng khoán mua ròng trong tuần vừa qua đối với các cổ phiếu như: VHM (+151 tỷ đồng), FPT (+117 tỷ đồng), CTG (+82 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: GEE (-542 tỷ đồng), VIB (-264 tỷ đồng), ACB (-65 tỷ đồng).

Giao dịch NĐTNN trong vòng 1 tháng (Theo ngày)



Nguồn: FinX, MBS Research

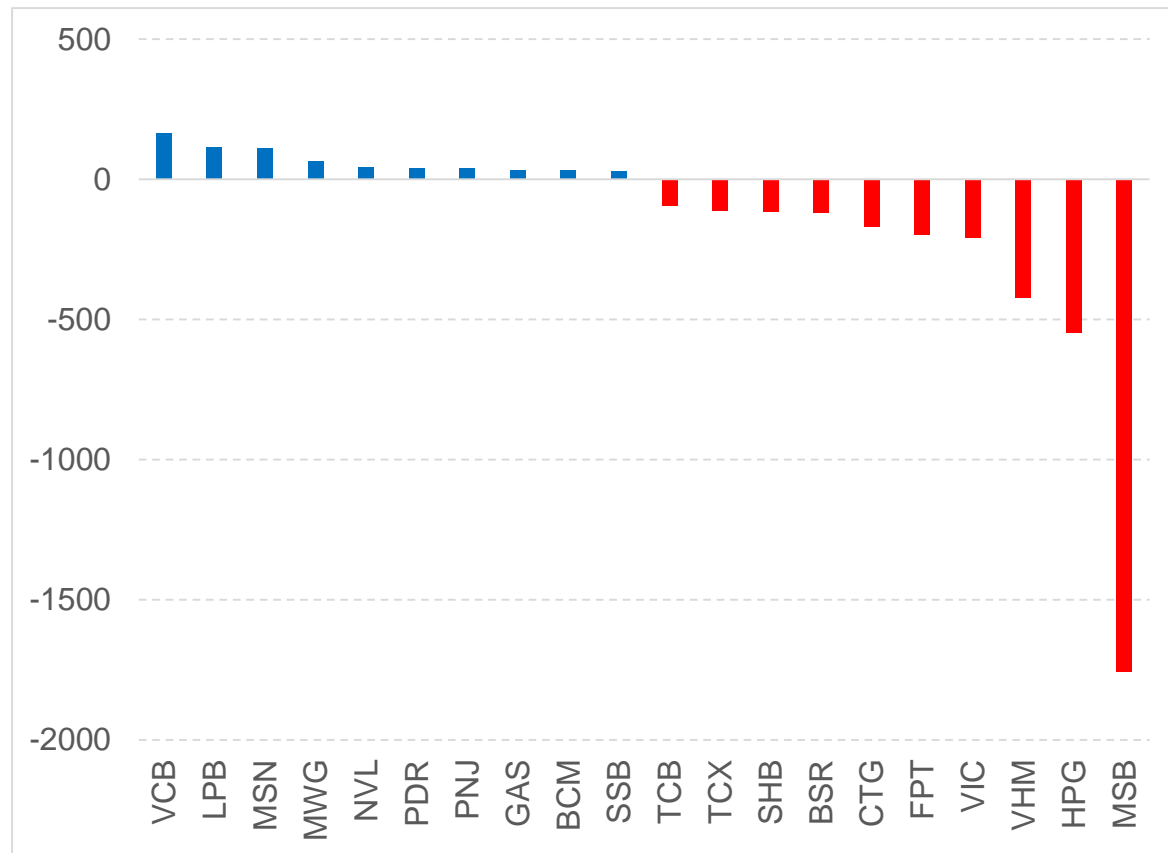
Giao dịch NĐTNN kể từ đầu năm (theo tuần)



Nguồn: FinX, MBS Research

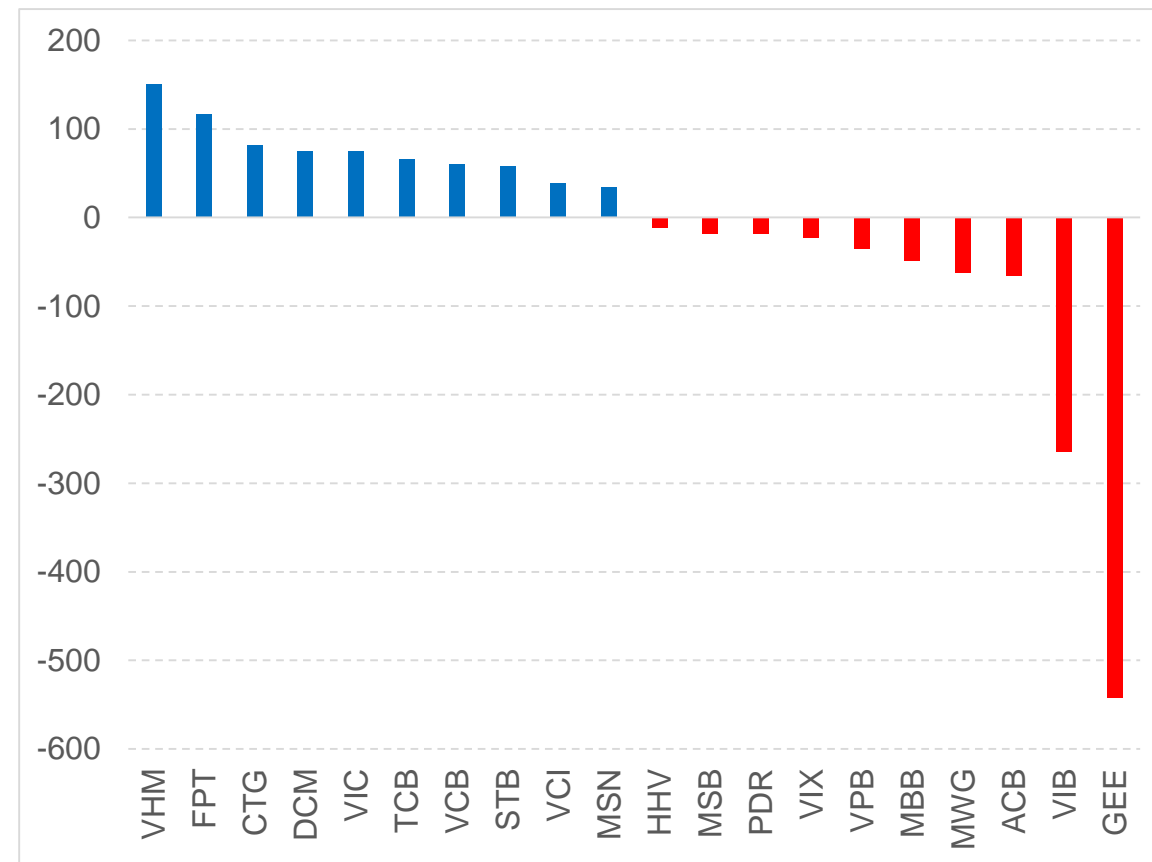
Top cổ phiếu được khối ngoại và tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được tự doanh ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Danh sách 32 cổ phiếu dự kiến vào rổ FTSE GEIS

STT	MCK	Giá đóng cửa (29/05)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1863.5	714,623	-3.6	-0.7	0.5	4.4
1	VIC	211.3	3,718	-8.9	-2.4	-1.3	24.6
2	VHM	156.0	6,364	-10.0	1.4	6.9	25.8
3	STB	68.0	5,954	-11.5	-4.5	0.7	17.2
4	HPG	24.0	26,941	-12.8	0.2	-3.1	1.9
5	MSN	74.7	5,515	-20.5	-1.7	-2.7	-3.0
6	VCB	62.0	9,114	-21.3	-2.4	3.7	7.8
7	VNM	59.2	3,557	-21.6	-0.5	-2.8	-3.3
8	VJC	171.9	1,263	-21.9	1.1	-4.5	-17.8
9	BSR	29.8	17,903	-24.9	0.2	26.1	84.8
10	BID	42.0	8,955	-25.8	-2.3	4.7	8.0
11	GEE	102.1	1,662	-26.3	-6.2	2.1	-26.1

Nguồn: MBS Research

STT	MCK	Giá đóng cửa (29/05)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
12	SHB	13.8	51,052	-28.1	1.9	-5.2	-14.4
13	NVL	15.1	26,336	-28.1	-2.6	-26.3	13.1
14	VRE	32.3	8,499	-28.7	1.7	-0.2	-4.2
15	GEX	32.1	17,450	-29.2	-2.1	19.1	6.8
16	KBC	30.5	3,339	-29.2	-3.2	-10.0	-13.7
17	SSI	27.5	17,502	-30.3	-0.2	-0.5	-9.1
18	VCI	24.7	7,628	-31.3	-1.4	-5.9	-3.7
19	FPT	71.6	11,650	-35.0	-3.4	-3.9	-24.2
20	VND	16.9	15,279	-36.6	-0.7	7.7	-10.9
21	KDH	22.6	5,233	-40.8	1.6	-11.2	-28.4
22	VIX	17.7	46,637	-48.2	-4.6	6.0	-6.8
23	DGC	46.5	2,770	-56.2	-4.1	-13.3	-32.1

Nguồn: MBS Research

Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (% tăng/giảm vs tuần trước)

	05/29/26	05/22/26	05/15/26	05/08/26	04/29/26
Dầu khí	-59.8%	10.1%	59.0%	0.8%	8.5%
Ngân hàng	-20.4%	20.4%	-1.6%	22.0%	-8.2%
Chứng khoán	-27.4%	31.5%	2.9%	88.9%	-58.5%
Bất động sản	-35.0%	-1.0%	-10.9%	-1.1%	-4.9%
Dệt may	-24.0%	-10.2%	26.2%	-11.8%	-48.5%
Bán lẻ	-36.9%	39.5%	-10.5%	2.8%	25.5%
Vingroup	-11.8%	-21.1%	12.6%	-24.1%	63.8%
Xây dựng & VLXD	-33.4%	-13.4%	8.6%	58.1%	-52.3%
Thực phẩm	-36.0%	-12.6%	-4.5%	46.9%	-14.7%
Thủy sản	-29.9%	-51.9%	-39.0%	12.0%	63.8%
Logistics	-31.0%	-30.0%	-0.4%	52.1%	-36.3%
Dược phẩm	-25.3%	7.0%	16.1%	70.3%	-59.4%
Sản xuất & PP Điện	-61.8%	70.6%	-47.7%	12.6%	52.9%
Đầu tư công	-43.7%	2.4%	-52.5%	65.5%	-40.0%
Hóa chất	-52.6%	-10.0%	12.9%	-0.7%	-20.5%
Cao su tự nhiên	-64.0%	5.9%	26.2%	29.2%	12.8%
Bảo hiểm	-46.6%	10.5%	9.0%	43.6%	-44.3%
Ô tô và phụ tùng	-50.6%	57.8%	2.1%	-11.9%	-15.6%
Dịch vụ	-29.5%	11.7%	-18.8%	8.0%	0.5%
BDS KCN	-45.1%	-0.4%	4.7%	78.5%	-29.7%
Viettel	-64.4%	208.9%	25.8%	6.3%	-40.0%
Du lịch	61.7%	-21.4%	-2.5%	-28.4%	365.3%
Công nghệ	-54.3%	28.8%	32.2%	1.2%	4.1%
Đường	-11.2%	-36.3%	38.2%	7.7%	38.8%

Nguồn: FinX, MBS Research

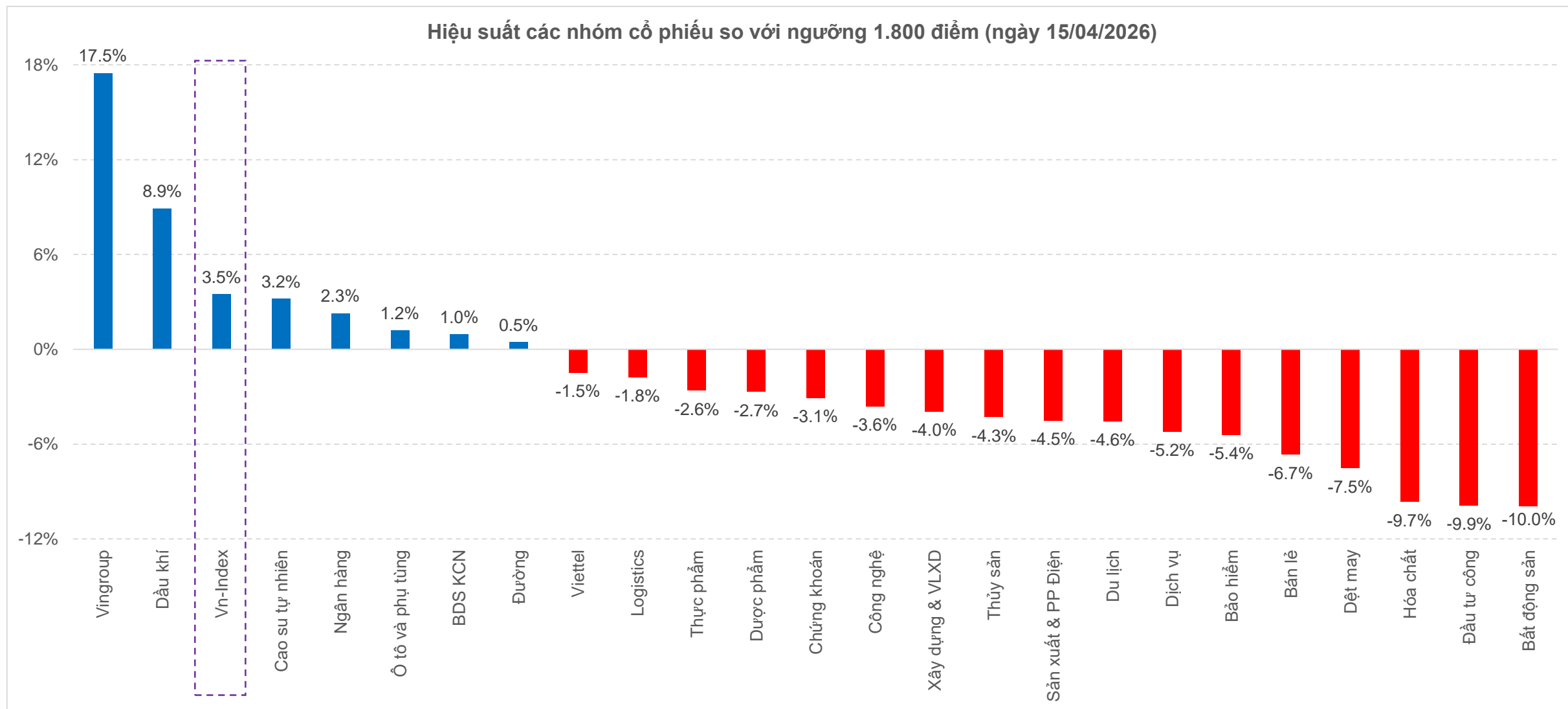
Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	05/29/26	05/22/26	05/15/26	05/08/26	04/29/26
Dầu khí	6.1%	10.0%	10.0%	6.4%	7.3%
Ngân hàng	28.6%	23.8%	21.7%	22.5%	21.2%
Chứng khoán	16.1%	14.7%	12.2%	12.1%	7.4%
Bất động sản	9.7%	9.9%	10.9%	12.6%	14.6%
Dệt may	0.2%	0.2%	0.3%	0.2%	0.3%
Bán lẻ	4.1%	4.3%	3.3%	3.8%	4.3%
Vingroup	12.6%	9.4%	13.1%	11.9%	18.0%
Xây dựng & VLXD	4.4%	4.4%	5.6%	5.3%	3.8%
Thực phẩm	3.5%	3.6%	4.5%	4.8%	3.8%
Thủy sản	0.2%	0.2%	0.4%	0.6%	0.6%
Logistics	1.1%	1.0%	1.6%	1.6%	1.2%
Dược phẩm	0.3%	0.3%	0.3%	0.2%	0.2%
Sản xuất & PP Điện	1.7%	3.0%	1.9%	3.7%	3.8%
Đầu tư công	0.9%	1.1%	1.1%	2.5%	1.7%
Hóa chất	1.6%	2.2%	2.7%	2.5%	2.9%
Cao su tự nhiên	0.1%	0.3%	0.3%	0.2%	0.2%
Bảo hiểm	0.3%	0.4%	0.4%	0.4%	0.3%
Ô tô và phụ tùng	0.3%	0.4%	0.3%	0.3%	0.3%
Dịch vụ	1.5%	1.4%	1.4%	1.7%	1.8%
BDS KCN	1.7%	2.1%	2.3%	2.2%	1.4%
Viettel	0.9%	1.7%	0.6%	0.5%	0.5%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nghệ	4.0%	5.8%	4.9%	3.8%	4.3%
Đường	0.1%	0.1%	0.2%	0.1%	0.1%

Nguồn: FinX, MBS Research

Chỉ số Vn-Index cao hơn vùng hỗ trợ 1.800 điểm +3,5% nhưng một số nhóm cổ phiếu hiện vẫn thấp hơn vùng hỗ trợ này 9-10%

Hiệu suất các nhóm cổ phiếu so với ngưỡng 1.800 điểm (ngày 15/04/2026)



Hiệu suất nhóm cổ phiếu chứng khoán

STT	MCK	Giá đóng cửa (29/05)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
1	HCM	27.5	9,164	-9.9	-3.7	2.6	24.6
2	VCK	33.0	2,973	-13.4	-1.5	-4.4	5.4
3	TCI	11.4	231	-15.9	-0.9	9.1	16.5
4	VPX	27.4	917	-20.6	-0.4	0.0	-8.1
5	TCX	42.0	1,246	-21.4	-1.2	-0.4	8.3
6	ORS	13.0	2,495	-23.5	-1.5	-1.1	-1.1
7	ABW	10.5	82	-24.5	1.0	1.0	-11.8
8	SSI	27.5	17,502	-30.3	-0.2	-0.5	-9.1
9	VCI	24.7	7,628	-31.3	-1.4	-5.9	-3.7
10	VND	16.9	15,279	-36.6	-0.7	7.7	-10.9
11	BSI	35.0	206	-40.0	-0.4	-0.1	-6.9
12	SHS	18.0	12,910	-40.0	1.7	6.5	-12.6
13	MBS	19.9	3,461	-40.2	1.0	2.6	-4.8
14	CTS	27.3	800	-41.7	-3.0	4.6	-17.7
15	VIX	17.7	46,637	-48.2	-4.6	6.0	-6.8

Nguồn: MBS Research

Hiệu suất nhóm cổ phiếu Ngân hàng

STT	MCK	Giá đóng cửa (29/05)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
1	LPB	52.0	1,373	-5.6	-2.3	16.3	31.7
2	STB	68.0	5,954	-11.5	-4.5	0.7	17.2
3	HDB	25.9	13,066	-13.7	0.2	-2.6	-12.8
4	MBB	25.0	16,738	-15.3	1.4	-4.0	-1.2
5	ACB	24.9	21,027	-15.6	9.0	6.0	3.8
6	CTG	34.8	9,784	-20.0	0.0	-0.4	-2.7
7	TCB	32.8	11,117	-20.4	1.7	-1.2	-4.2
8	VCB	62.0	9,114	-21.3	-2.4	3.7	7.8
9	OCB	11.6	2,455	-25.0	4.1	2.7	-3.4
10	BID	42.0	8,955	-25.8	-2.3	4.7	8.0
11	TPB	15.9	9,432	-26.8	2.3	-2.2	-7.0
12	SHB	13.8	51,052	-28.1	1.9	-5.2	-14.4
13	SSB	14.0	2,064	-29.1	1.1	1.1	-3.3
14	VPB	27.1	15,414	-29.1	1.1	4.1	-3.7
15	BVB	12.3	1,272	-30.5	0.8	-0.8	-6.8
16	VIB	16.1	6,793	-31.5	2.6	-1.2	-4.3
17	EIB	21.3	8,367	-32.7	0.5	-2.1	0.0

Nguồn: MBS Research

Hiệu suất nhóm cổ phiếu Bất động sản

STT	MCK	Giá đóng cửa (29/05)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần, %)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
1	TAL	31.0	220	-21.0	-0.6	-2.6	-14.9
2	NTL	16.0	423	-24.6	-1.8	-3.6	-12.8
3	NVL	15.1	26,336	-28.1	-2.6	-26.3	13.1
4	IJC	9.6	1,455	-34.3	-1.1	-5.2	-10.5
5	HDG	23.4	1,634	-34.5	1.1	-9.7	-12.7
6	SJS	51.9	23	-38.8	-3.9	-10.1	-16.0
7	DXG	13.1	17,881	-39.4	0.7	-3.3	-13.2
8	TCH	15.1	7,567	-39.9	-3.8	-17.1	-17.8
9	KDH	22.6	5,233	-40.8	1.6	-11.2	-28.4
10	PDR	16.1	12,443	-41.0	1.6	-2.4	-14.6
11	NLG	26.4	2,060	-42.2	3.5	-4.9	-13.3
12	CII	17.1	17,955	-45.5	-5.0	-11.4	-18.2
13	AGG	12.0	183	-45.7	0.4	-4.8	-15.8
14	DIG	13.1	9,154	-48.0	-3.3	-11.2	-22.1
15	CEO	16.0	10,037	-51.4	-4.2	-10.1	-24.2
16	HDC	17.5	1,930	-53.7	-2.8	-8.4	-22.9

Nguồn: MBS Research

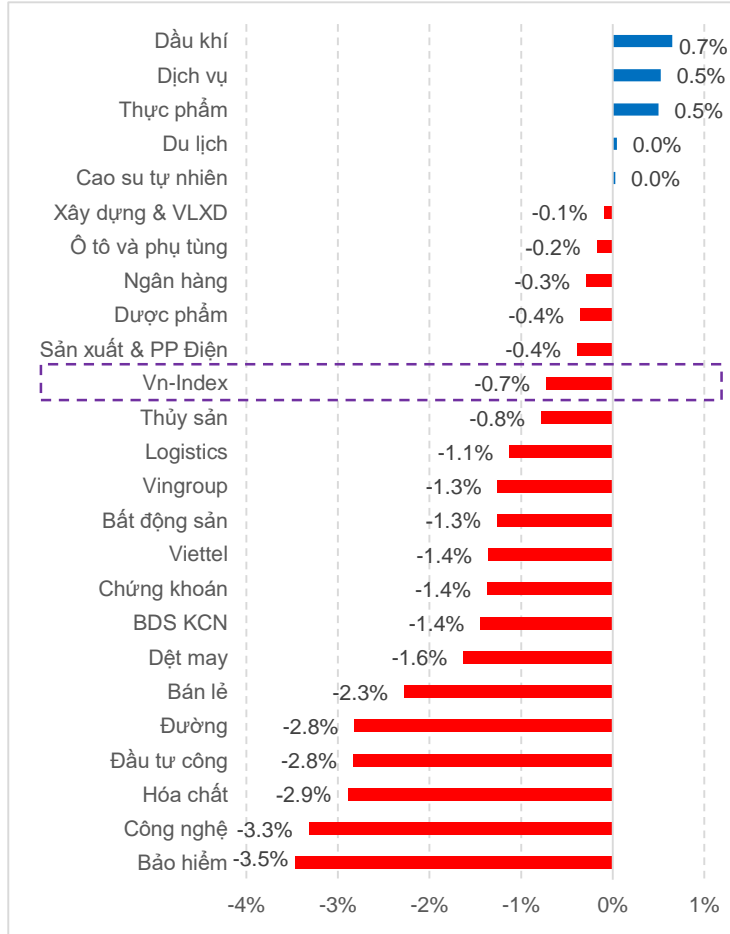
Hiệu suất nhóm cổ phiếu Dầu khí, Hóa Chất, Logistics

STT	MCK	Giá đóng cửa (29/05)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần, %)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
1	PHP	36.6	99	-12.9	0.0	2.0	17.3
2	GMD	72.3	1,267	-16.9	-1.8	-1.2	22.0
3	HAH	54.4	712	-24.1	-0.2	-1.3	-7.3
4	DCM	39.8	3,117	-24.8	-4.3	-6.8	21.7
5	BSR	29.8	17,903	-24.9	0.2	26.1	84.8
6	DPM	25.9	3,577	-27.7	-2.1	-2.3	16.4
7	BFC	55.4	260	-28.9	-5.9	-18.1	29.7
8	PVS	39.0	4,730	-30.9	-2.3	2.6	13.7
9	LAS	15.2	259	-31.7	-0.7	-3.2	-3.2
10	PVT	22.2	6,645	-32.1	-4.1	0.9	20.7
11	PVD	30.5	4,894	-33.0	-3.3	-1.6	7.6
12	GAS	87.4	2,787	-33.5	2.9	16.2	20.7
13	CSV	24.7	275	-37.2	-4.3	-4.8	-9.5
14	PLX	41.0	5,633	-41.8	-2.3	10.4	16.2
15	OIL	15.1	4,063	-42.2	-3.2	7.1	39.8
16	VSC	20.0	4,593	-48.3	-2.4	-6.3	0.3
17	DGC	46.5	2,770	-56.2	-4.1	-13.3	-32.1

Nguồn: MBS Research

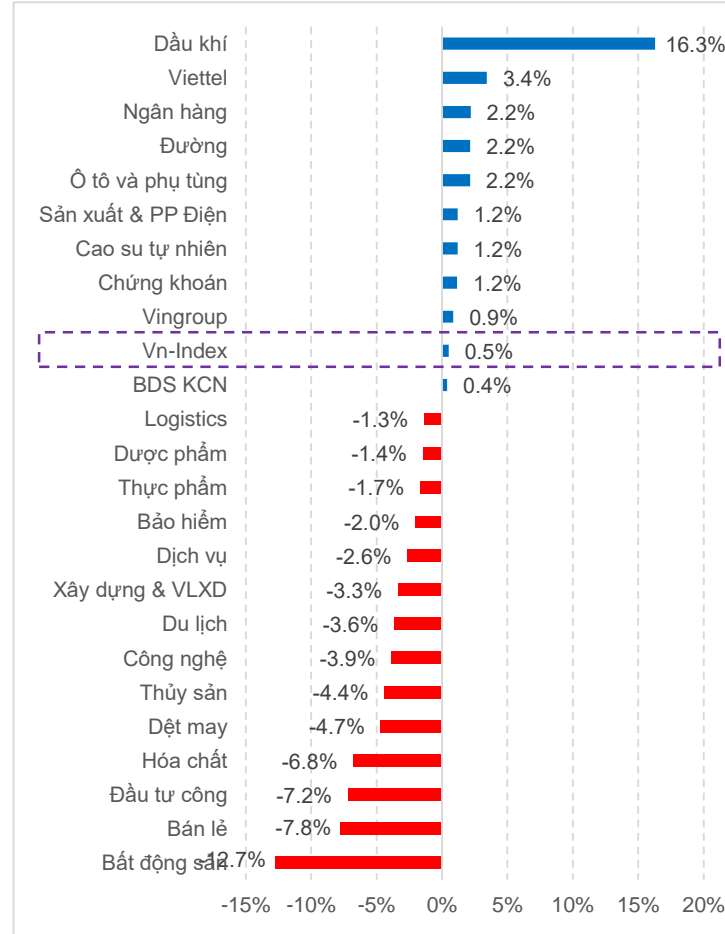
Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)

Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (1 tuần)



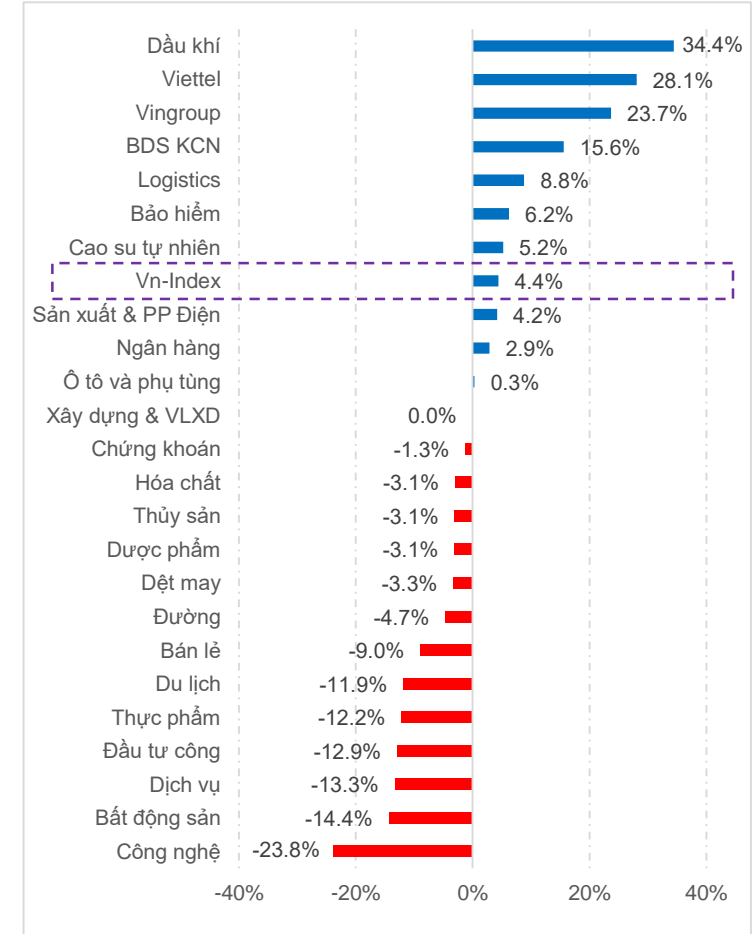
Nguồn: MBS Research

Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (1 tháng)



Nguồn: MBS Research

Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (YTD)



Nguồn: MBS Research

Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân 50 phiên lớn nhất thị trường

STT	MCK	Giá đóng cửa (29/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1863.49	-0.73	0.5	4.4	
1	SHB	13.80	1.9	-5.2	-14.4	925
2	VHM	156.00	1.4	6.9	25.8	813
3	HPG	24.00	0.2	-3.1	1.9	771
4	VIC	211.30	-2.4	-1.3	24.6	753
5	FPT	71.60	-3.4	-3.9	-24.2	731
6	VIX	17.70	-4.6	6.0	-6.8	696
7	SSI	27.50	-0.2	-0.5	-9.1	652
8	MWG	76.30	-3.9	-9.2	-13.7	527
9	VCB	62.00	-2.4	3.7	7.8	502
10	STB	68.00	-4.5	0.7	17.2	464
11	BSR	29.75	0.2	26.1	84.8	458
12	MSN	74.70	-1.7	-2.7	-3.0	446
13	NVL	15.10	-2.6	-26.3	13.1	443
14	VPB	27.10	1.1	4.1	-3.7	416
15	MBB	25.00	1.4	-4.0	-1.2	413

Nguồn: MBS Research

STT	MCK	Giá đóng cửa (29/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
16	TCB	32.75	1.7	-1.2	-4.2	382
17	GEX	32.10	-2.1	19.1	6.8	366
18	CII	17.10	-5.0	-11.4	-18.2	360
19	ACB	24.90	9.0	6.0	3.8	348
20	BID	42.00	-2.3	4.7	8.0	347
21	HDB	25.90	0.2	-2.6	-12.8	340
22	HCM	27.45	-3.7	2.6	24.6	328
23	CTG	34.80	0.0	-0.4	-2.7	299
24	SHS	18.00	1.7	6.5	-12.6	257
25	VCI	24.65	-1.4	-5.9	-3.7	238
26	DXG	13.05	0.7	-3.3	-13.2	235
27	VRE	32.25	1.7	-0.2	-4.2	234
28	VNM	59.20	-0.5	-2.8	-3.3	229
29	EIB	21.30	0.5	-2.1	0.0	225
30	VJC	171.90	1.1	-4.5	-17.8	221

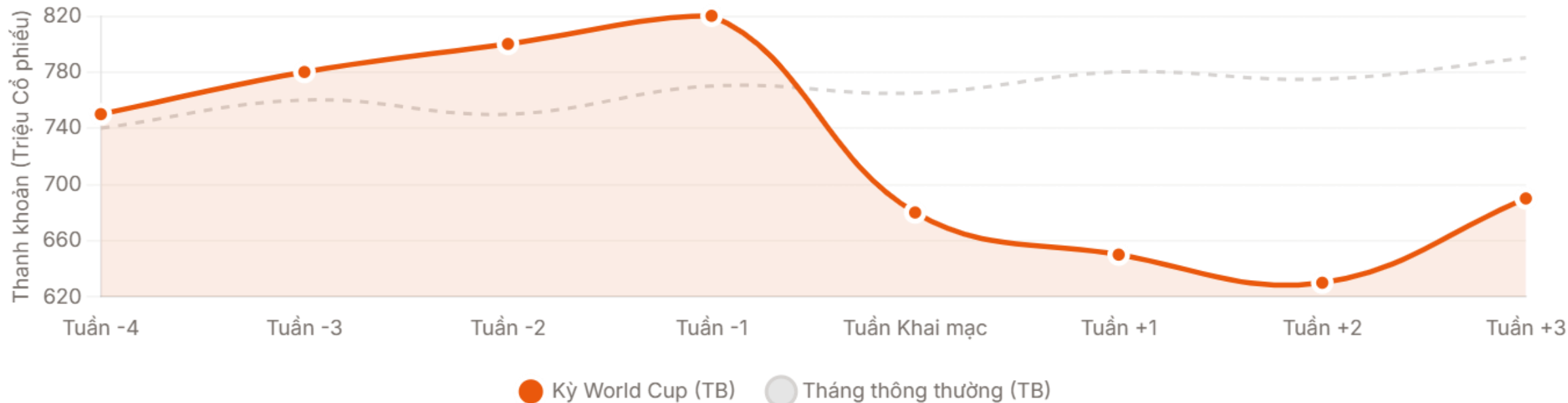
Nguồn: FinX, MBS Research

Việc thanh khoản sụt giảm nhanh tại vùng đỉnh là tín hiệu cho thấy lực cầu đang rút lui. Kích bản thị trường "mở biên độ giảm" để kích hoạt lực cầu mới ở vùng giá thấp hơn là rất cao



Nguồn: Tradingvies, MBS Research

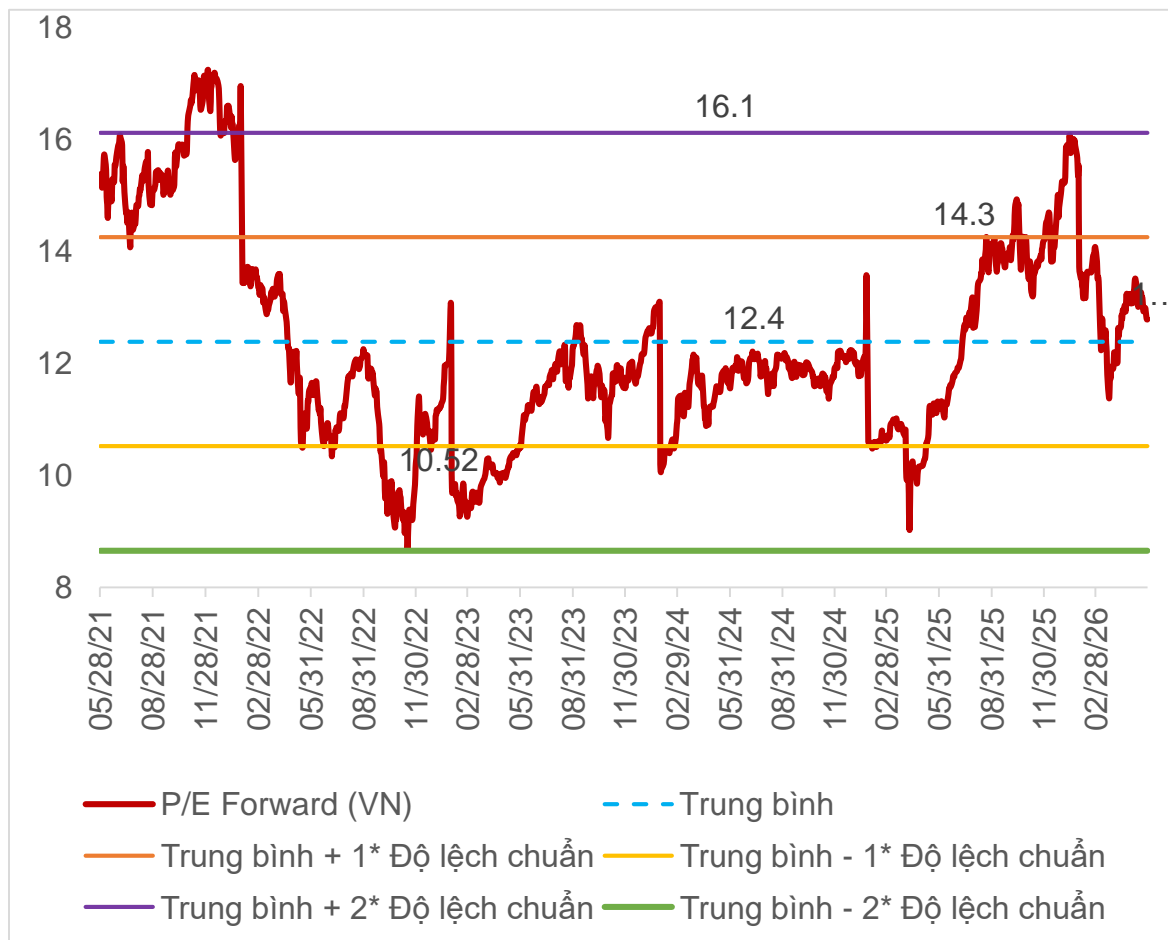
Biến số mùa vụ: "Hiệu ứng World Cup": Lịch sử cho thấy mùa World Cup không phải là thời điểm vàng cho các chỉ số chứng khoán:



<p>↓</p> <p>-12%</p> <p>Thanh khoản trung bình (trong sự kiện)</p>	<p>↑</p> <p>+18%</p> <p>Doanh số TV & Điện máy (trước sự kiện)</p>	<p>🍺</p> <p>+8-10%</p> <p>Tăng trưởng ngành F&B (trong sự kiện)</p>
---	---	--

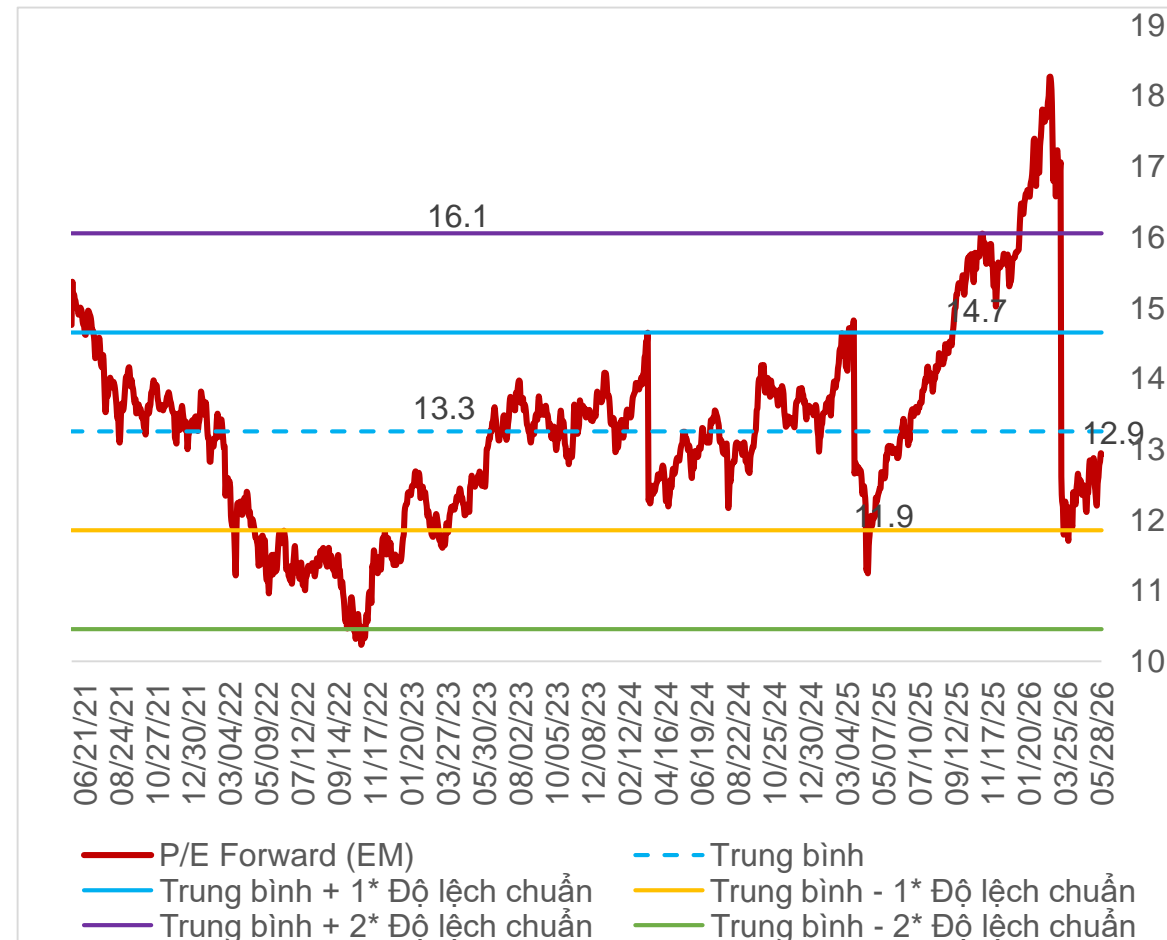
Định giá thị trường: Hệ số P/E dự phóng của thị trường Việt Nam và thị trường mới nổi trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của TTCKVN



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của thị trường mới nổi (Emerging)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Theo yếu tố mùa vụ, tháng 6 có xác suất tăng giảm 50%, tuy vậy trong 2 kỳ WorldCup gần đây (2022, 2018), thị trường đều giảm điểm

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	1.90	2.01	-.80	-.64	2.62	.57	1.74	3.89	-.63	-2.06	3.15	1.65
2026	2.50	2.80	-10.95	10.73	.51							
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	8.67	3.26	9.19	11.96	-1.22	-1.33	3.13	5.53
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 6/2026



STT	Cổ phiếu	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2026	P/E 2026	P/B 2026	Luận điểm đầu tư
1	CTG	56,300	61.8%	20.0%	6.5	1.3	KQKD duy trì khả quan trong Q1/26. Có thể xuất hiện lợi nhuận đột biến từ việc thanh lý Vietinbank Tower. Định giá vẫn còn rẻ so với nhóm NH tương đương dù CLTS và hiệu quả sinh lời vượt trội. Nhu cầu gia tăng CAR hàm chứa các câu chuyện bán vốn trong tương lai.
2	ACB	32,950	31.8%	14.0%	7.1	1.1	Định giá hấp dẫn so với trung bình 3 năm và so với toàn ngành dù sở hữu chất lượng tài sản vượt trội với lợi thế chi phí tín dụng thấp. Điều này sẽ dần được phản ánh vào KQKD khi tín dụng được mở rộng. LNTT 2026 được dự báo tăng khoảng 14% svck chủ yếu do NIM vẫn chưa thể tăng trở lại mức 3%. Tuy nhiên các khoản thu ngoài lãi phục hồi khả quan nhờ đóng góp của mảng bảo hiểm và chứng khoán. Thanh khoản tăng mạnh trở lại sau khi có các thông tin liên quan đến việc gia tăng tỷ lệ sở hữu của nhóm cổ đông Âu Lạc. Rủi ro: mức tăng trưởng vẫn khá thận trọng khiến ROE vẫn chưa thể quay trở lại mức 20%, từ đó ảnh hưởng đến định giá của ngân hàng so với các NHTM có quy mô tương đương.
3	STB	78,500	14.6%	7.8%	19.0	1.9	Triển vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ từ sau 2027 đến từ kiểm soát chi phí tốt hơn và áp lực trích lập dự phòng giảm dần. Kỳ vọng khoản nợ xấu tồn đọng lâu năm liên quan đến 32.5% cổ phần của ông Trầm Bê sẽ được xử lý trong năm 2026 và hoàn tất trong đầu 2027, qua đó có thể mang lại một khoản lợi nhuận đột biến lớn từ việc thu hồi nợ và hoàn nhập dự phòng.
4	HPG	31,500	31.3%	56.0%	9.2	1.4	Giá thép phục hồi ngay từ Q1/26 nhờ nhu cầu tiêu thụ tích cực và áp lực từ thép TQ hạ nhiệt. Giá thép phục hồi 8% svck dẫn tới doanh thu và biên LN gộp cải thiện trong bối cảnh sản lượng tiêu thụ tăng 25% svck. Nhờ đó, LN ròng năm 2026 dự báo tăng trưởng 56% svck. Mức định giá PE forward năm 2026 dự kiến 9.2 (thấp hơn mức 11.5 trong những chu kỳ tăng trưởng của ngành thép). PB hiện tại khoảng 1.4 (thấp hơn khoảng 20% so với mức trung bình của chu kỳ tăng trưởng).

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 6/2026



STT	Cổ phiếu	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2026	P/E 2026	P/B 2026	Luận điểm đầu tư
5	FPT	114,000	58.5%	17.0%	11.1	2.8	Mức giá hiện tại tương ứng P/E 2026-27 11.1x, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 5 năm (20.6x) trong khi duy trì tăng trưởng kép LN ròng 17% trong 2026-27. Định giá hiện tại cơ bản đã phản ánh một phần các rủi ro doanh nghiệp gặp phải, theo đó, rủi ro giảm giá không lớn, chúng tôi đặc biệt đề cao yếu tố định giá của FPT trong bối cảnh thị trường biến động khó lường. KQKD T4/26 mặc dù vẫn đang thể hiện sự khó khăn ở mảng CNTT nước ngoài tuy nhiên đã có sự cải thiện khá rõ rệt so với 3 tháng đầu năm. Tăng trưởng backlog vẫn duy trì tốt đạt 22% svck. Mảng CNTT trong nước ghi nhận sự cải thiện rõ rệt khi nhà máy AI Factory tại Việt Nam hoạt động hiệu quả, tỷ lệ lấp đầy cao ~70-80% và đã hòa vốn từ T12/2025.
6	MWG	118,300	55.0%	28.0%	12.4	2.8	Về mảng Thế giới di động & Điện máy xanh, với ~3,000 cửa hàng đang bao phủ tại Việt Nam, chúng tôi kỳ vọng chiến lược tăng trưởng bằng chất, tập trung các thế mạnh về (1) danh mục sản phẩm, (2) chính sách trả góp tiện lợi, nhanh chóng, (3) dịch vụ hậu mãi toàn diện sẽ giúp cho doanh thu đạt tăng trưởng kép 12% trong năm 2026-2027F. Ngoài ra, kế hoạch tồn kho hiệu quả trong bối cảnh giá cả biến động mạnh năm 2026-27F có khả năng giúp cho biên LN gộp cải thiện 0.5đ% svck. Tổng kết, lợi nhuận ròng ước tính tăng trưởng kép 15% trong năm 2026-27F. Về mảng Bách Hóa Xanh, mô hình "chợ hiện đại" đang nhận được sự yêu thích từ sự chuyển dịch của người tiêu dùng, do vậy chúng tôi kỳ vọng quy mô cửa hàng đạt tăng trưởng kép 25% trong năm 2026-27F với 2 động lực chính (1) thực hiện "Bắc tiến", (2) gia tăng mật độ cửa hàng tại khu vực miền Trung. Kết hợp với danh mục hàng hóa phù hợp, chúng tôi dự báo tăng trưởng lợi nhuận ròng đạt 58% trong năm 2026-2027F. Tổng kết, kết hợp với LN ròng ổn định từ mảng Avakids, Erablue và An Khang khả năng cao thoát lỗ, chúng tôi kỳ vọng LN ròng đạt 9000, tăng 28% svck trong năm 2026.
7	FOX	93,000	19.0%	14.0%	15.3	4.7	Đại hội cổ đông thể hiện quyết tâm tăng trưởng cao, doanh thu và LNTT lần lượt 12.8% và 16.9% svck, trong đó nhấn mạnh vai trò của Bộ Công An trong việc kiến thiết nhiều nguồn việc mới trong mảng Viễn Thông, Data Center, Camera an ninh. Doanh thu Q1/26 tăng 13% svck và LN ròng tăng 16% svck, tiếp tục cho thấy tốc độ tăng trưởng ổn định với động lực chính vẫn đến từ mảng kinh doanh băng rộng cố định & truyền hình. Trong năm nay doanh nghiệp tiếp tục mở rộng công suất mảng Data Center, hỗ trợ tăng trưởng mới trong bối cảnh tỷ lệ lấp đầy đã đạt mức cao.

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 6/2026



STT	Cổ phiếu	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2026	P/E 2026	P/B 2026	Luận điểm đầu tư
8	GMD	95,300	31.0%	16.0%	15.9	2.4	Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam dự kiến duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ, tạo tiền đề cho sự bứt phá về sản lượng thông quan container Việt Nam 2026-2027. Việc đưa vào khai thác Nam Đình Vũ Giai đoạn 3, kết hợp lộ trình đẩy nhanh tiến độ Gemalink Giai đoạn 2 & 3, sẽ tạo ra bước ngoặt về quy mô khai thác, tạo tiền đề cho GMD hấp thụ nhu cầu vận tải đang tăng cao. Biên LNG của GMD được kỳ vọng sẽ nói rộng nhờ việc tăng giá dịch vụ mới tại các cảng nước sâu và khả năng ấn định giá tại khu vực phía Bắc nhờ vị thế cửa sông; đồng thời kế hoạch thoái vốn tại Gemalink sẽ không chỉ mang lại dòng tiền đột biến mà còn đảm bảo nguồn hàng ổn định cho các giai đoạn mở rộng trong tương lai.
9	POW	16,700	21.0	1.3%	17.3	1.1	Triển vọng kinh doanh duy trì tích cực, các nhà máy được giao Qc cao, đặc biệt Nhon Trạch 3&4 được bù Qc khá lớn trong Q1, giúp biên LN tăng mạnh mẽ. Yếu tố này có thể sẽ không còn được duy trì quá đáng kể trong Q2, tuy nhiên các nhà máy sẽ được huy động tốt trong các tháng cao điểm. Định giá rẻ với P/B ~1.1x, thấp hơn nhiều sv trung bình ngành, trong khi triển vọng dài hạn tích cực nhờ các động thái tháo gỡ vướng mắc cho nguồn điện LNG của chính phủ. Trong Q2-Q3, kỳ vọng POW có thể ghi nhận khoản chênh lệch tỷ giá 1,600 tỷ từ EVN, hỗ trợ cải thiện LN.
10	KBC	39,700	30.0%	6.0%	12.9	1.1	KBC được chấp thuận đầu tư nhiều dự án KCN và KĐT mới. KĐT Tràng Cát đạt được nhiều bước tiến quan trọng về pháp lý, đã hoàn thiện giấy phép đầu tư và tiền sử dụng đất. KBC đang san lấp và xây dựng cơ sở hạ tầng, dự kiến bán buôn 20 ha trong năm 2026-27. Đón đầu xu thế thu hút dòng vốn FDI vào lĩnh vực công nghệ cao, KBC mở rộng hợp tác với đối tác FDI mới, gần đây là dự án TT dữ liệu ứng dụng AI (SGI-HCM Campus) có vốn đầu tư khoảng 2 tỷ USD, dự kiến data center 12ha sẽ được đặt tại KCN Tân Phú Trung và hợp tác với CTP Invest Group triển khai 30 ha nhà xưởng tại KCN Tràng Duệ 3. Ngoài ra, KBC vẫn xúc tiến hợp tác với các đối tác công nghệ lớn như Luxshare, LG, Goertek,.....

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng